

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 1 năm học 2020-2021 Hệ Chính quy

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1070125	Âm nhạc Việt nam	MUS2056	3	260												3*		
01	1070125				40	Trần Thị Thanh Hương	1-5, DNN							24/08/2020	29/11/2020				2018
02	1070125				40	Nguyễn Thị Phương Mai	7-11, DNN							24/08/2020	29/11/2020				2018
03	1070125				40	Ng.Thị Thu Trang			1-5, DNN					24/08/2020	29/11/2020				2018
04	1070125				40	Ng.Thị Thu Trang			7-11, DNN					24/08/2020	29/11/2020				2018
05	1070125				50	Lại Hồng Phong						1-5, D		23/11/2020		K12 LTCD			2020
06	1070125				50	Nguyễn Đăng Nghị						7-11, D		23/11/2020		K12 LTCD			2020
	1080230	An sinh xã hội	CLM2209	2	70												CTXH		
01	1080230				70	Nguyễn Thị Phương Thanh		1-5, E101						26/10/2020	10/01/2021				2020
	1060081	Bố cục chất liệu Lụa 2	FAE2025	3	10												5*FAE2025		
01	1060081				10	Nguyễn Thị Trang Ngà				1-5, B106	1-5, B106	1-5, B106		24/08/2020	01/11/2020				2017
	1060043	Bố cục chất liệu Sơn dầu 1	FAE2006	2	37												4*FAE2006		
01	1060043				12	Nguyễn Quang Huy				7-11, B102	7-11, B102	7-11, B102		24/08/2020	18/10/2020				2018
02	1060043				12	Chu Hoàng Trung				7-11, B103	7-11, B103	7-11, B103		24/08/2020	18/10/2020				2018
03	1060043				12	Nguyễn Thị Hà Hoa				7-11, B104	7-11, B104	7-11, B104		24/08/2020	18/10/2020				2018
04	1060043				1	Nguyễn Thị Hà Hoa							1-5, LR			Lop riêng			2017
	1060046	Bố cục chất liệu Sơn mài 1	FAE2009	2	10												4* FAE2009		
04	1060046				10	Chu Hoàng Trung							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1060083	Bố cục chất liệu Sơn mài 2	FAE2026	3	10												5*FAE2026		
01	1060083				10	Vũ Thị Kim Vân	7-11, B106	7-11, B106	7-11, B106					24/08/2020	15/11/2020				2017
	1060047	Bố cục chất liệu tự chọn	FAE2010	3	26												5*FAE2010		
01	1060047				13	Vũ Thị Kim Vân	1-5, B101	1-5, B101	1-5, B101					24/08/2020	01/11/2020				2017
02	1060047				13	Chu Hoàng Trung	1-5, B103	1-5, B103	1-5, B103					24/08/2020	01/11/2020				2017
	1060042	Bố cục cơ bản	FAE2053	2	45												2_SPMT_M4		
01	1060042				15	Vũ Thị Kim Vân				1-5, B102	1-5, B102	1-5, B102		07/12/2020	31/01/2021	SPMT, HH 2020			2020
02	1060042				15	Nguyễn Quang Huy				1-5, B103	1-5, B103	1-5, B103		07/12/2020	31/01/2021	SPMT, HH 2020			2020
03	1060042				15	Tạ Đình Thi				1-5, B104	1-5, B104	1-5, B104		07/12/2020	31/01/2021	SPMT, HH 2020			2020
	1080045	Các ngành công nghiệp văn hóa	CLM2046	2	70												5_QLVH_M4_TC		
01	1080045				70	Đào Thị Thùy Tiên				7-11, E403				24/08/2020	15/11/2020				2018
	1080031	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	CLM2032	2	40												3_QLVH_M4		
02	1080031				40	Nông Thị Thanh Thuý	7-11, E501							24/08/2020	15/11/2020				2019
	1060055	Chất liệu màu nước	FAE2016	2	36												1*FAE2016		
01	1060055				12	Nguyễn Quang Hải	1-5, B2	1-5, B2	1-5, B2					24/08/2020	18/10/2020				2018
02	1060055				12	Nguyễn Văn Cường	1-5, B2	1-5, B2	1-5, B2					24/08/2020	18/10/2020				2018
03	1060055				12	Lê Thị Kim Liên	1-5, B2	1-5, B2	1-5, B2					24/08/2020	18/10/2020				2018
	1060054	Chất liệu tổng hợp	FAE2015	2	26												1*FAE2015		
01	1060054				13	Nguyễn Thị Hà Hoa	1-5, B102	1-5, B102	1-5, B102					09/11/2020	03/01/2021				2017
02	1060054				13	Tạ Đình Thi	1-5, B103	1-5, B103	1-5, B103					09/11/2020	03/01/2021				2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1070106	Chỉ huy hợp xướng A	MUS2075*	0	118												5*6*2017		
01	1070106				25	Phạm Hoàng Trung		7-11, D3						24/08/2020	06/12/2020				2018
02	1070106				25	Vũ Thùy Linh				7-11, D3				24/08/2020	06/12/2020				2018
03	1070106				18	Phạm Hoàng Trung					7-11, D3			24/08/2020	06/12/2020				2018
04	1070106				25	Lê Vinh Hưng		1-5, D3						24/08/2020	06/12/2020				2018
05	1070106				24	Phạm Hoàng Trung					7-11, D3			24/08/2020	06/12/2020				2018
06	1070106				1	Phạm Hoàng Trung						1-5, D3		24/08/2020	06/12/2020				2018
	1170009	Chữ cơ bản	GRD2003	2	135												3_TKDH_M3		
01	1170009				45	Phạm Hùng Cường	7-11, E603							24/08/2020	29/11/2020				2019
02	1170009				45	Nguyễn Lê Mai					1-5, E603			24/08/2020	29/11/2020				2019
03	1170009				45	Ng.Hoài Phương Anh					7-11, E603			24/08/2020	29/11/2020				2019
	1130013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POL2011	2	406												3 2019		
01	1130013				45	Bạch Thị Lan Anh	1-5, E301							24/08/2020	18/10/2020				2019
02	1130013				45	Bạch Thị Lan Anh						7-11, E301		24/08/2020	18/10/2020				2019
03	1130013				45	Phạm Ngọc Anh		1-5, E301						24/08/2020	18/10/2020				2019
04	1130013				45	Phạm Ngọc Anh			1-5, E101					24/08/2020	18/10/2020				2019
05	1130013				45	Phạm Ngọc Anh				1-5, E502				24/08/2020	18/10/2020				2019
06	1130013				45	Phạm Ngọc Anh			7-11, E301					24/08/2020	18/10/2020				2019
07	1130013				45	Phạm Ngọc Anh				7-11, E301				24/08/2020	18/10/2020				2019
08	1130013				1	Phạm Ngọc Anh						1-5, TC19		12/09/2020	20/09/2020	Lop TC 19			2019
09	1130013				45	Đinh Văn Hoàng			1-5, E301					24/08/2020	18/10/2020				2019
10	1130013				45	Đinh Văn Hoàng						1-5, E301		24/08/2020	18/10/2020				2019
	1060019	Cơ sở tạo hình	FAE2056	2	160												2_SPMT_M3		
01	1060019				40	Trang Tô Uyên		7-11, B2						24/08/2020	18/10/2020				2019
02	1060019				40	Trang Tô Uyên						1-5, E	1-5, E	23/11/2020	15/11/2020	LT K12			2020
03	1060019				40	Nguyễn Thị Giang						1-5, E	1-5, E	23/11/2020	15/11/2020	LT K12			2020
04	1060019				40	Nguyễn Thị Giang						1-5, E	1-5, E	23/11/2020	15/11/2020	LT K12			2020
	1170010	Cơ sở tạo khối không gian	GRD2005	2	160												Cơ sở tạo hình 2		
01	1170010				40	Nguyễn Thành Sơn			1-5, E603					24/08/2020	01/11/2020				2019
02	1170010				40	Nguyễn Thành Sơn			7-11, E603					24/08/2020	01/11/2020				2019
03	1170010				40	Nguyễn Hữu Dũng						1-5, E603		24/08/2020	01/11/2020				2019
04	1170010				40	Nguyễn Hữu Dũng						7-11, E603		24/08/2020	01/11/2020				2019
	1020048	Cơ sở thiết kế kỹ thuật trang phục	DGI2017	3	15														
01	1020048				15	Ngô Thị Thủy Thu	1-5, A							26/10/2020	20/12/2020	CNM			2020
	1080001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	225												Dung chung		
01	1080001				45	Vũ Thị Thái Hoa				7-11, E501				24/08/2020	29/11/2020	K6MN+K7TN+K5P i			2019
02	1080001				45	Nguyễn Thị Thanh Loan		7-11, E501						24/08/2020	29/11/2020	K6MN+K7TN+K5P i			2019
03	1080001				45	Đào Thị Thủy Tiên		7-11, E503						24/08/2020	29/11/2020	K6MN+K7TN+K5P i			2019
04	1080001				45	Bùi Hồng Hạnh					7-11, E501			24/08/2020	29/11/2020	K6MN+K7TN+K5P i			2019
05	1080001				45	Nông Thị Thanh Thuý			7-11, E501					24/08/2020	29/11/2020	K6MN+K7TN+K5P i			2019
	1020016	Công nghệ may 2	FAD2010	2	70														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1020016				35	Lưu Ngọc Lan		7-11, XM						24/08/2020	04/10/2020	K12 TKTT			2018
02	1020016				35	Ngô Thị Thủy Thu				7-11, XM				24/08/2020	04/10/2020	K12 TKTT			2018
	1060099	Đại cương các loại hình nghệ thuật (SPMT)	FAE2092	2	160												2019		
01	1060099				40	Đào Thị Thuý Anh						1-5, E506		24/08/2020	25/10/2020				2019
02	1060099				40	Đào Thị Thuý Anh						1-5, E	1-5, E	09/11/2020	22/11/2020	LT K12			2020
03	1060099				40	Trần Thị Vân						1-5, E	1-5, E	09/11/2020	22/11/2020	LT K12			2020
04	1060099				40	Trần Thị Vân						1-5, E	1-5, E	09/11/2020	22/11/2020	LT K12			2020
	1080052	Đại cương các loại hình NT 1 (Múa+ Âm nhạc)	CLM2008	3	70												5_QLVH_M3		
01	1080052				70	Lý Minh Huệ			1-5, E502					19/10/2020	31/01/2021				2020
	1070130	Đàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp A	MUS2061*	0	124												5*6*		
01	1070130				25	Lê Vinh Hưng	7-11, E607							24/08/2020	06/12/2020				2017
02	1070130				25	Phạm Xuân Danh		1-5, E607						24/08/2020	06/12/2020				2017
03	1070130				25	Phạm Hoàng Trung			1-5, E607					24/08/2020	06/12/2020				2017
04	1070130				25	Phạm Xuân Danh				1-5, E607				24/08/2020	06/12/2020				2017
05	1070130				24	Phạm Xuân Danh				7-11, E607				24/08/2020	06/12/2020				2017
	1190009	Đệm thanh nhạc 1.1	PIA2007	1	30														
01	1190009				5	Lương Đức Giang						11-12, D		12/10/2020	24/01/2021				2020
02	1190009				5	Lại Thị Phương Thảo					5-6, D			12/10/2020	24/01/2021				2020
03	1190009				5	Lê Hải Thuận				11-12, D				12/10/2020	24/01/2021				2020
04	1190009				5	Trần Quốc Thùy				11-12, D				12/10/2020	24/01/2021				2020
05	1190009				5	Trần Duy	11-12, D							12/10/2020	24/01/2021				2020
06	1190009				5	Trần Duy					5-6, D			12/10/2020	24/01/2021				2020
	1190011	Đệm thanh nhạc 2.1	PIA2008	1															
02	1190011				0	Đặng Thái Sơn	2-6, D							24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
03	1190011				0	Đặng Thái Sơn		2-6, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
04	1190011				0	Lương Đức Giang		2-6, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
05	1190011				0	Trần Quốc Thùy			10-11, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
06	1190011				0	Vũ Thanh Xuân			10-11, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
07	1190011				0	Bá Sán					10-11, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
	1190012	Đệm thanh nhạc 2.2	PIA2008	1	2														
01	1190012				1	Bùi Đăng Khánh						10-11, D		24/08/2020	20/12/2020				2016
02	1190012				1	Bùi Thị Diệu Minh						2-6, D		24/08/2020	20/12/2020				2016
	1190013	Đệm thanh nhạc 3.1	PIA2009	1	2														
01	1190013				0	Lê Hải Thuận				4-5, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
02	1190013				0	Đặng Thái Sơn			4-5, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
03	1190013				0	Vũ Thanh Xuân			4-5, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
04	1190013				1	Đặng Thái Sơn						4-5, D		24/08/2020	20/12/2020				2018
05	1190013				1	Lại Thị Phương Thảo			10-11, D					24/08/2020	20/12/2020				2018
	1190014	Đệm thanh nhạc 3.2	PIA2009	1	3														
01	1190014				1	Trần Quốc Thùy			10-11, D					24/08/2020	20/12/2020				2017
02	1190014				1	Bùi Thị Diệu Minh						10-11, D		24/08/2020	20/12/2020				2016
03	1190014				1	Lại Thị Phương Thảo			10-11, D					24/08/2020	20/12/2020				2017
	1190015	Đệm thanh nhạc 4.1	PIA2010	1															
01	1190015				0	Lê Hải Thuận					1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
02	1190015				0	Trần Quốc Thùy					1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
03	1190015				0	Lương Đức Giang						1-2, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1190015				0	Vũ Thanh Xuân						1-2, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
	1200033	Đồ án công nghệ	DGI2033	3	20														
01	1200033				20	Ngô Thị Thủy Thu		1-5, XMA						31/08/2020	01/11/2020	K1 CNM			2017
	1020010	Đồ án tổng hợp tiền tốt nghiệp	FAD2030	2	80														
01	1020010				10	Hoàng Thị Oanh							7-11, TTN	24/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
02	1020010				10	Lưu Ngọc Lan							7-11, TTN	24/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
03	1020010				10	Ng.Thị Minh Ngọc							7-11, TTN	24/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
04	1020010				10	Lê Phương Anh							7-11, TTN	24/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
05	1020010				10	Vũ Mai Hiền							7-11, TTN	24/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
06	1020010				10	Ng.Thị Bích Liên							7-11, TTN	24/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
07	1020010				10	Lê Nguyễn Kiều Trang							7-11, TTN	24/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
08	1020010				10	Đỗ Thu Huyền							7-11, TTN	24/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
	1200046	Đồ án tổng hợp tiền tốt nghiệp	DGI2046	3	16														
01	1200046				8	Nguyễn Bích Nhung							1-5, DATTN	31/08/2020	06/12/2020	K1 CNM			2017
02	1200046				8	Ngô Thị Thủy Thu							1-5, DATTN	31/08/2020	06/12/2020	K1 CNM			2017
	1170048	Đồ án tốt nghiệp	GRD2042*	0	200												9_TKDH_M5		
01	1170048				10	Phạm Hùng Cường							7-11, DA	24/08/2020					2016
02	1170048				10	Lê Đức Cường							7-11, DA	24/08/2020					2016
03	1170048				10	Nguyễn Đức Lân							7-11, DA	24/08/2020					2016
04	1170048				10	Nguyễn Văn Hiến							7-11, DA	24/08/2020					2016
05	1170048				10	Nguyễn Quang Huy							7-11, DA	24/08/2020					2016
06	1170048				10	Nguyễn Xuân Tám							7-11, DA	24/08/2020					2016
07	1170048				10	Nguyễn Lê Mai							7-11, DA	24/08/2020					2016
08	1170048				10	Lò Mai Trang							7-11, DA	24/08/2020					2016
09	1170048				10	Nguyễn Hải Kiên							7-11, DA	24/08/2020					2016
10	1170048				10	Nguyễn Hữu Dũng							7-11, DA	24/08/2020					2016
11	1170048				10	Phạm Phương Linh							7-11, DA	24/08/2020					2016
12	1170048				10	Nguyễn Duy Hùng							7-11, DA	24/08/2020					2016
13	1170048				10	Lê Huy Thực							7-11, DA	24/08/2020					2016
14	1170048				10	Vũ Minh Hoàng							7-11, DA	24/08/2020					2016
15	1170048				10	Vũ Xuân Hiền							7-11, DA	24/08/2020					2016
16	1170048				10	Nguyễn Thành Sơn							7-11, DA	24/08/2020					2016
17	1170048				10	Nguyễn Thị Hải Yến							7-11, DA	24/08/2020					2016
18	1170048				10	Ng.Duy Quốc Tuấn							7-11, DA	24/08/2020					2016
19	1170048				10	Nguyễn Hồng Sơn							7-11, DA	24/08/2020					2016
20	1170048				10	Nguyễn Trần Thế Hiệp							7-11, DA	24/08/2020					2016
	1170023	Đồ họa ảnh	GRD2018	2	132												5_TKDH_M4		
01	1170023				44	Nguyễn Quang Huy		1-5, E605						24/08/2020	18/10/2020				2018
02	1170023				44	Nguyễn Văn Hiến		7-11, E605						24/08/2020	18/10/2020				2018
03	1170023				44	Nguyễn Hải Kiên				7-11, E605				24/08/2020	18/10/2020				2018
	1020032	Đồ họa thời trang 1	FAD2031	2	39														
01	1020032				13	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, A				31/08/2020	08/11/2020	K13 TKTT			2019
02	1020032				13	Hoàng Thắng				1-5, A				31/08/2020	08/11/2020	K13 TKTT			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1020032				13	Trần Thanh Nga				1-5, A				31/08/2020	08/11/2020	K13 TKTT			2019
	1020033	Đồ họa thời trang 2	FAD2032	3	70														
01	1020033				14	Nguyễn Hoàng Tùng			7-11, E					31/08/2020	08/11/2020	K12 TKTT			2018
02	1020033				14	Bùi Thị Nam			7-11, E					31/08/2020	08/11/2020	K12 TKTT			2018
03	1020033				14	Nguyễn Hải Hà				7-11, E				31/08/2020	08/11/2020	K12 TKTT			2018
04	1020033				14	Hoàng Thắng				7-11, E				31/08/2020	08/11/2020	K12 TKTT			2018
05	1020033				14	Trần Thanh Nga				7-11, E				31/08/2020	08/11/2020	K12 TKTT			2018
	1130004	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	POL2004	3	80												4* 4_mon_chung_M1		
01	1130004				40	Mai Thanh Hồng						1-5, E507		24/08/2020	08/11/2020	Thieu cua ky truo			2018
02	1130004				40	Mai Thanh Hồng						7-11, E507		24/08/2020	08/11/2020	Thieu cua ky truo			2018
	1080012	Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam	CLM2010	2	110												2_QLVH_M3		
01	1080012				45	Nguyễn Hữu Thức			1-5, E503					24/08/2020	15/11/2020				2018
02	1080012				45	Nguyễn Hữu Thức		1-5, E503						24/08/2020	15/11/2020				2018
03	1080012				20	Nguyễn Hữu Thức			1-5, E503					30/11/2020		K2LT_D VK			2020
	1060022	Giải phẫu tạo hình	FAE2077	2	301												2_SPMT_M3		
01	1060022				60	Vũ Hạnh Chi	7-11, E505							12/10/2020	20/12/2020	SPMT			2020
02	1060022				60	Trang Tổ Uyên				7-11, E506				12/10/2020	20/12/2020	TKĐH			2020
03	1060022				60	Vũ Hạnh Chi		7-11, E506						12/10/2020	20/12/2020	TKĐH			2020
04	1060022				60	Trang Tổ Uyên					7-11, E505			12/10/2020	20/12/2020	TKĐH			2020
05	1060022				60	Vũ Hạnh Chi			7-11, E505					12/10/2020	20/12/2020	TKĐH			2020
06	1060022				1	Trang Tổ Uyên							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1140007	Giáo dục học	PPE2002	4	50												2* Tam_ly giao duc		
01	1140007				50	Nguyễn Thị Tuyết Nhung			1-5, E506					24/08/2020	15/11/2020	K7 TN			2019
	1140002	Giáo dục thể chất 1	PPE2010	0	920												1*1_mon_chun g_M1		
01	1140002				40	Phạm Minh Tuấn		1-5, SVĐ						12/10/2020	27/12/2020				2020
02	1140002				40	Phạm Minh Tuấn					1-5, SVĐ			12/10/2020	27/12/2020				2020
03	1140002				40	Phạm Minh Tuấn		7-11, SVĐ						12/10/2020	27/12/2020				2020
04	1140002				40	Phạm Minh Tuấn					7-11, SVĐ			12/10/2020	27/12/2020				2020
05	1140002				40	Bùi Thị Ánh Tuyết	1-5, SVĐ							12/10/2020	27/12/2020				2020
06	1140002				40	Bùi Thị Ánh Tuyết				1-5, SVĐ				12/10/2020	27/12/2020				2020
07	1140002				40	Bùi Thị Ánh Tuyết	7-11, SVĐ							12/10/2020	27/12/2020				2020
08	1140002				40	Bùi Thị Ánh Tuyết				7-11, SVĐ				12/10/2020	27/12/2020				2020
09	1140002				40	Nguyễn Minh Trâm	1-5, SVĐ							12/10/2020	27/12/2020				2020
10	1140002				40	Nguyễn Minh Trâm			1-5, SVĐ					12/10/2020	27/12/2020				2020
11	1140002				40	Nguyễn Minh Trâm					1-5, SVĐ			12/10/2020	27/12/2020				2020
12	1140002				40	Nguyễn Minh Trâm					7-11, SVĐ			12/10/2020	27/12/2020				2020
13	1140002				40	Bùi Thị Huyền			1-5, SVĐ					12/10/2020	27/12/2020				2020
14	1140002				40	Bùi Thị Huyền		7-11, SVĐ						12/10/2020	27/12/2020				2020
15	1140002				40	Bùi Thị Huyền				7-11, SVĐ				12/10/2020	27/12/2020				2020
16	1140002				40	Lê Việt Hùng		1-5, SVĐ						12/10/2020	27/12/2020				2020
17	1140002				40	Lê Việt Hùng					1-5, SVĐ			12/10/2020	27/12/2020				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
18	1140002				40	Lê Việt Hùng		7-11, SVD						12/10/2020	27/12/2020				2020
19	1140002				40	Lê Việt Hùng					7-11, SVD			12/10/2020	27/12/2020				2020
20	1140002				40	Phạm Thị Huyền Trang	1-5, SVD							12/10/2020	27/12/2020				2020
21	1140002				40	Phạm Thị Huyền Trang				1-5, SVD				12/10/2020	27/12/2020				2020
22	1140002				40	Phạm Thị Huyền Trang	7-11, SVD							12/10/2020	27/12/2020				2020
23	1140002				40	Phạm Thị Huyền Trang				7-11, SVD				12/10/2020	27/12/2020				2020
	1070051	Giới thiệu nhạc cụ	MUS2030	2	20												1*MUS2030		
01	1070051				20	Nguyễn Thành Vinh					7-11, D			14/12/2020		K2 TC			2020
	1070014	Hát hợp xướng A	MUS2027*	0	1												3*4* MUS2027		
01	1070014				1	Vũ Thùy Linh						1-5, D3		24/08/2020	06/12/2020				2017
	1200020	Hệ thống quản lý chất lượng ngành may	DGI2020	2	40														
01	1200020				40	Vũ Đức Tân							1-5, XM	28/09/2020	08/11/2020	K1 CNM			2017
	1020037	Hình họa 1	FAD2050	2	70														
01	1020037				14	Vũ Thanh Nghị	1-5, B	1-5, B	1-5, B					26/10/2020	06/12/2020	TKTT			2020
02	1020037				14	Lê Mai Trinh	1-5, B	1-5, B	1-5, B					26/10/2020	06/12/2020	TKTT			2020
03	1020037				14	Phạm Viết Minh Tri				1-5, B	1-5, B	1-5, B		26/10/2020	06/12/2020	TKTT			2020
04	1020037				14	Nguyễn Minh Thùy				1-5, B	1-5, B	1-5, B		26/10/2020	06/12/2020	TKTT			2020
05	1020037				14	Vũ Thanh Nghị	7-11, B	7-11, B	7-11, B					26/10/2020	06/12/2020	CNM			2020
	1060097	Hình họa 1	FAE2047	2	45														
01	1060097				15	Nguyễn Huy Trung	1-5, B204	1-5, B204	1-5, B204					12/10/2020	06/12/2020	SPMT, HH 2020			2020
02	1060097				15	Nguyễn Quang Hải	1-5, B204	1-5, B204	1-5, B204					12/10/2020	06/12/2020	SPMT, HH 2020			2020
03	1060097				15	Nguyễn Tú Anh	1-5, B204	1-5, B204	1-5, B204					12/10/2020	06/12/2020	SPMT, HH 2020			2020
	1170053	Hình họa 1	GRD2048	2	182														
01	1170053				13	Trần Thanh Tùng	7-8, C	7-8, C	7-8, C					12/10/2020	10/01/2021				2020
02	1170053				13	Nguyễn Thị My	7-8, C	7-8, C	7-8, C					12/10/2020	10/01/2021				2020
03	1170053				13	Nguyễn Hải Kiên	7-8, C	7-8, C	7-8, C					12/10/2020	10/01/2021				2020
04	1170053				13	Nguyễn Thị My				7-8, C	7-8, C	7-8, C		12/10/2020	10/01/2021				2020
05	1170053				13	Trần Thanh Tùng				7-8, C	7-8, C	7-8, C		12/10/2020	10/01/2021				2020
06	1170053				13	Vũ Xuân Hiền				7-8, C	7-8, C	7-8, C		12/10/2020	10/01/2021				2020
07	1170053				13	Vũ Xuân Hiền	9-10, C	9-10, C	9-10, C					19/10/2020	10/01/2021				2020
08	1170053				13	Nguyễn Thị My	9-10, C	9-10, C	9-10, C					19/10/2020	10/01/2021				2020
09	1170053				13	Nguyễn Hải Kiên	9-10, C	9-10, C	9-10, C					19/10/2020	10/01/2021				2020
10	1170053				13	Vũ Xuân Hiền				9-10, C	9-10, C	9-10, C		19/10/2020	10/01/2021				2020
11	1170053				13	Nguyễn Thị My				9-10, C	9-10, C	9-10, C		19/10/2020	10/01/2021				2020
12	1170053				13	Lê Đức Tùng				9-10, C	9-10, C	9-10, C		19/10/2020	10/01/2021				2020
13	1170053				13	Nguyễn Hồng Sơn	7-8, C	7-8, C	7-8, C					12/10/2020	10/01/2021	BS			2020
14	1170053				13	Trần Thanh Tùng	9-10, C	9-10, C	9-10, C					19/10/2020	19/10/2020	bs			2020
	1020041	Hình họa 3	FAD2052	2	54														
01	1020041				14	Nguyễn Minh Thùy	7-11, B	7-11, B	7-11, B					19/10/2020	13/12/2020	K13 TKTT			2019
02	1020041				14	Vũ Thanh Nghị				7-11, B	7-11, B	7-11, B		19/10/2020	13/12/2020	K13 TKTT			2019
03	1020041				14	Nguyễn Minh Thùy				7-11, B	7-11, B	7-11, B		19/10/2020	13/12/2020	K13 TKTT			2019
04	1020041				12	Lê Thị Lan	7-11, B	7-11, B	7-11, B					19/10/2020	13/12/2020	K13 TKTT			2019
	1170055	Hình họa 3	GRD2047	2	140														
01	1170055				14	Nguyễn Hải Kiên	1-2, C	1-2, C	1-2, C					24/08/2020	29/11/2020				2019
02	1170055				14	Nguyễn Hồng Sơn	1-2, C	1-2, C	1-2, C					24/08/2020	29/11/2020				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1170055				14	Lê Đức Tùng	1-2, C	1-2, C	1-2, C					24/08/2020	29/11/2020				2019
04	1170055				14	Nguyễn Hồng Sơn	3-4, C	3-4, C	3-4, C					31/08/2020	29/11/2020				2019
05	1170055				14	Lê Đức Cường	3-4, C	3-4, C	3-4, C					31/08/2020	29/11/2020				2019
06	1170055				14	Trần Thanh Tùng	3-4, C	3-4, C	3-4, C					31/08/2020	29/11/2020				2019
07	1170055				14	Trần Thanh Tùng				1-2, C	1-2, C	1-2, C		24/08/2020	29/11/2020				2019
08	1170055				14	Nguyễn Hải Kiên				1-2, C	1-2, C	1-2, C		24/08/2020	29/11/2020				2019
09	1170055				14	Nguyễn Thị Mỹ				1-2, C	1-2, C	1-2, C		24/08/2020	29/11/2020				2019
10	1170055				14	Trần Thanh Tùng				3-4, C	3-4, C	3-4, C		31/08/2020	29/11/2020				2019
	1060002	Hình họa 3	F AE2049	2	39												2018		
01	1060002				13	Nguyễn Hoàng Tùng	1-5, B201	1-5, B201	1-5, B201					24/08/2020	18/10/2020				2019
02	1060002				13	Nguyễn Tú Anh	1-5, B202	1-5, B202	1-5, B202					24/08/2020	18/10/2020				2019
03	1060002				13	Phan Văn Hùng	1-5, B203	1-5, B203	1-5, B203					24/08/2020	18/10/2020				2019
	1060035	Hình họa 5	F AE2001	2	36												5* F AE2001		
01	1060035				12	Nguyễn Quang Minh	7-11, B201	7-11, B201	7-11, B201					24/08/2020	18/10/2020				2018
02	1060035				12	Nguyễn Quang Hải	7-11, B202	7-11, B202	7-11, B202					24/08/2020	18/10/2020				2018
03	1060035				12	Hoàng Đức Dũng	7-11, B203	7-11, B203	7-11, B203					24/08/2020	18/10/2020				2018
	1060037	Hình họa 7	F AE2003	3	13												7* F AE2003		
01	1060037				0	Nguyễn Huy Trung							1-5, BC						2019
02	1060037				13	Nguyễn Thị May				7-11, B202	7-11, B202	7-11, B202		24/08/2020	01/11/2020				2017
05	1060037				0	Nguyễn Thị May							1-5, BC						2019
06	1060037				0	Lê Thị Kim Liên							1-5, BC						2019
07	1060037				0	Nguyễn Tú Anh							1-5, BC						2019
08	1060037				0	Nguyễn Văn Cường							1-5, BC						2019
09	1060037				0	Phan Văn Hùng							1-5, BC						2019
	1020026	Hình họa chuyên ngành 1	F AD2020	2	70														
01	1020026				14	Trần Thị Liên	1-5, B	1-5, B	1-5, B					19/10/2020	06/12/2020	K12 TKTT			2018
02	1020026				14	Phạm Viết Minh Tri	1-5, B	1-5, B	1-5, B					19/10/2020	06/12/2020	K12 TKTT			2018
03	1020026				14	Ngô Văn Sơn	1-5, B	1-5, B	1-5, B					19/10/2020	06/12/2020	K12 TKTT			2018
04	1020026				14	Trương Tuấn Anh				1-5, B	1-5, B	1-5, B		19/10/2020	06/12/2020	K12 TKTT			2018
05	1020026				14	Ngô Văn Sơn				1-5, B	1-5, B	1-5, B		19/10/2020	06/12/2020	K12 TKTT			2018
	1170013	Hình họa chuyên ngành 1	G RD2008	4	126												5_TKDH_M3		
01	1170013				14	Nguyễn Xuân Tám	7-8, A	7-8, A	7-8, A					24/08/2020	29/11/2020				2018
02	1170013				14	Lê Đức Tùng	7-8, A	7-8, A	7-8, A					24/08/2020	29/11/2020				2018
03	1170013				14	Ng.Duy Quốc Tuấn	7-8, A	7-8, A	7-8, A					24/08/2020	29/11/2020				2018
04	1170013				14	Vũ Xuân Hiền	9-10, A	9-10, A	9-10, A					31/08/2020	29/11/2020				2018
05	1170013				14	Nguyễn Hữu Dũng	9-10, A	9-10, A	9-10, A					31/08/2020	29/11/2020				2018
06	1170013				14	Lê Đức Cường	9-10, A	9-10, A	9-10, A					31/08/2020	29/11/2020				2018
07	1170013				14	Ng.Duy Quốc Tuấn				7-8, A	7-8, A	7-8, A		24/08/2020	29/11/2020				2018
08	1170013				14	Lê Đức Cường				7-8, A	7-8, A	7-8, A		24/08/2020	29/11/2020				2018
09	1170013				14	Nguyễn Hồng Sơn				7-8, A	7-8, A	7-8, A		24/08/2020	29/11/2020				2018
	1170019	Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh	G RD2014	3	126												Hình họa nghiên cứu vật thể tĩnh		
01	1170019				14	Nguyễn Xuân Tám	1-2, A	1-2, A	1-2, A					24/08/2020	29/11/2020				2017
02	1170019				14	Nguyễn Hữu Dũng	1-2, A	1-2, A	1-2, A					24/08/2020	29/11/2020				2017
03	1170019				14	Ng.Duy Quốc Tuấn	1-2, A	1-2, A	1-2, A					24/08/2020	29/11/2020				2017
04	1170019				14	Ng.Duy Quốc Tuấn				1-2, A	1-2, A	1-2, A		24/08/2020	29/11/2020				2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1170019				14	Nguyễn Hồng Sơn				1-2, A	1-2, A	1-2, A		24/08/2020	29/11/2020				2017
06	1170019				14	Lê Đức Cường				1-2, A	1-2, A	1-2, A		24/08/2020	29/11/2020				2017
07	1170019				14	Nguyễn Xuân Tâm	3-4, A	3-4, A	3-4, A					31/08/2020	29/11/2020				2017
08	1170019				14	Nguyễn Hữu Dũng	3-4, A	3-4, A	3-4, A					31/08/2020	29/11/2020				2017
09	1170019				14	Ng.Duy Quốc Tuấn	3-4, A	3-4, A	3-4, A					31/08/2020	29/11/2020				2017
	1080093	Hình thể 1 (Kỹ thuật cơ bản)	CLM2059	3	35														
01	1080093				35	Đinh Xuân Tùng		1-5, NA402						19/10/2020	27/12/2020				2020
	1080095	Hình thể 3 (Múa)	CLM2061	3	30												DVK		
01	1080095				30	Ng.Thuý Hường			1-5, NA501					24/08/2020	15/11/2020				2019
	1070097	Hòa tấu	MUS2063	2	108												2018		
01	1070097				12	Phạm Hồng Phương				1-5, D101				24/08/2020	04/10/2020	Học 6 tuần K13AN			2018
02	1070097				12	Phạm Hồng Phương	7-11, D103							24/08/2020	04/10/2020				2018
03	1070097				12	Đào văn Kiên			1-5, D107					24/08/2020	04/10/2020				2018
04	1070097				12	Đào văn Kiên						1-5, D107		24/08/2020	04/10/2020				2018
05	1070097				12	Trần Quốc Thùy		7-11, C206						24/08/2020	04/10/2020				2018
06	1070097				12	Trần Quốc Thùy				7-11, C210				24/08/2020	04/10/2020				2018
08	1070097				12	Đặng Thái Sơn			1-5, D102					24/08/2020	04/10/2020				2018
09	1070097				12	Đặng Thái Sơn				1-5, C206				24/08/2020	04/10/2020				2018
10	1070097				12	Vũ Thanh Xuân		7-11, D107						24/08/2020	04/10/2020				2018
	1190017	Hòa tấu 1.1	PIA2011	1	28														
01	1190017				4	Trần Hà Mi				9-10, D				12/10/2020	24/01/2021				2020
02	1190017				4	Cù Minh Giang						9-10, D		12/10/2020	24/01/2021				2020
03	1190017				4	Nguyễn Nguyệt Cầm						3-4, D		12/10/2020	24/01/2021				2020
04	1190017				4	Nguyễn Nguyệt Cầm						9-10, D		12/10/2020	24/01/2021				2020
05	1190017				4	Lê Nam			3-4, D					12/10/2020	24/01/2021				2020
06	1190017				4	Hà Cẩm Vân					3-4, D			12/10/2020	24/01/2021				2020
07	1190017				4	Vũ Ngọc Sơn						3-4, D		12/10/2020	24/01/2021				2020
	1190018	Hòa tấu 1.2	PIA2011	1	1														
01	1190018				1	Trần Hà Mi				1-2, D				24/08/2020	20/12/2020				2017
	1190019	Hòa tấu 2.1	PIA2012	1															
02	1190019				0	Bá Sán						7-8, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
03	1190019				0	Phạm Hồng Phương		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
04	1190019				0	Phạm Hồng Phương						1-2, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
05	1190019				0	Phạm Hoàng Lê			7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
06	1190019				0	Bá Sán			7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
07	1190019				0	Nguyễn Hiền Đức			7-8, D				1-2, D	24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
	1190020	Hòa tấu 2.2	PIA2012	1	1														
01	1190020				1	Phạm Hồng Phương						10-11, D		24/08/2020	20/12/2020				2017
	1190021	Hòa tấu 3.1	PIA2013	1	3														
01	1190021				0	Đinh Thu Hương		9-10, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
02	1190021				0	Bá Sán			9-10, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
03	1190021				1	Bá Sán						1-2, D		24/08/2020	20/12/2020				2018
04	1190021				0	Lương Diệu Ánh					9-10, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
05	1190021				1	Lương Diệu Ánh				9-10, D				24/08/2020	20/12/2020				2018
06	1190021				1	Bùi Đăng Khánh						9-10, D		24/08/2020	20/12/2020				2018
	1190022	Hòa tấu 3.2	PIA2013	1	1														
01	1190022				1	Phạm Hồng Phương			9-10, D					24/08/2020	20/12/2020				2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1190023	Hòa tấu 4.1	PIA2014	1	3														
01	1190023				1	Bùi Đăng Khánh			10-11, D					24/08/2020	20/12/2020				2017
02	1190023				0	Đinh Thu Hương					10-11, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
03	1190023				0	Vũ Ngọc Sơn						10-11, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
04	1190023				0	Nguyễn Hiền Đức					10-11, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
05	1190023				0	Phạm Hồng Phương						10-11, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
06	1190023				0	Nguyễn Thị Hiền Anh			4-5, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
07	1190023				1	Đinh Thu Hương						4-5, D		24/08/2020	20/12/2020				2017
08	1190023				1	Bùi Đăng Khánh						10-11, D		24/08/2020	20/12/2020				2016
	1070102	Hòa thanh 1	MUS2062	2	200												3* 2018		
01	1070102				40	Nguyễn Khải	7-11, D2							24/08/2020	01/11/2020				2019
02	1070102				40	Phạm Thu Hường		7-11, D304						24/08/2020	01/11/2020				2019
03	1070102				40	Nguyễn Khải				1-5, D304				24/08/2020	01/11/2020				2019
04	1070102				40	Nguyễn Hồng Trang					1-5, D304			24/08/2020	01/11/2020				2019
05	1070102				40	Nguyễn Hồng Trang					7-11, D304			24/08/2020	01/11/2020				2019
	1190026	Hòa thanh trên đàn 2	PIA2016	2	1														
01	1190026				1	Nguyễn Đức Linh					1-5, D4Ghep			24/08/2020	20/12/2020	Ghep lop co don			2017
	1190037	Hòa thanh trên đàn 2	PIA2026	3	25														
01	1190037				25	Nguyễn Đức Linh					1-5, D4			24/08/2020	20/12/2020				2018
	1080077	Hóa trang	CLM2053	2	40												DVK		
01	1080077				40	Ng.Thuý Hường	7-11, NA402							24/08/2020	15/11/2020				2017
	1060031	Hoạt động Mỹ thuật ngoài giờ lên lớp	FAE2074	2	40														
01	1060031				40	Đào Thị Thuý Anh				1-5, E505				24/08/2020	25/10/2020				2018
	1070011	Hợp xướng 1	MUS2080	2	160												2019		
01	1070011				35	Phạm Hoàng Trung	7-11, D3							24/08/2020	29/11/2020				2019
02	1070011				20	Vũ Thùy Linh					1-5, D			01/03/2021		K2 TC			2020
03	1070011				35	Phạm Xuân Danh			1-5, D3					24/08/2020	29/11/2020				2019
04	1070011				35	Phạm Xuân Danh			7-11, D3					24/08/2020	29/11/2020				2019
05	1070011				35	Lê Vinh Hưng					1-5, D3			24/08/2020	29/11/2020				2019
	1060001	Hướng dẫn chuẩn bị đồ chơi, đồ dùng DH trong GDMN	FAE2064	2	5														
01	1060001				5	Nguyễn Thị Giang					1-5, E505			24/08/2020	25/10/2020				2018
	1060056	In độc bản	FAE2017	2	120												1*FAE2017		
01	1060056				20	Nguyễn Thị May										K11 LT			2019
02	1060056				20	Lê Thị Kim Liên										K11 LT			2019
03	1060056				20	Hoàng Đức Dũng										K11 LT			2019
04	1060056				20	Nguyễn Thị May										K11 LT			2019
05	1060056				20	Lê Thị Kim Liên										K11 LT			2019
06	1060056				20	Hoàng Đức Dũng										K11 LT			2019
	1070138	Keyboard/Guitar 1 A	MUS2085*	0	375														
01	1070138				12	Hà Tân Mùi	9-10, C208							12/10/2020	17/01/2021				2020
02	1070138				12	Vũ Thanh Xuân	9-10, C210							12/10/2020	17/01/2021				2020
03	1070138				12	Lương Đức Giang	9-10, C310							12/10/2020	17/01/2021				2020
04	1070138				12	Bá Sản	9-10, D101							12/10/2020	17/01/2021				2020
05	1070138				12	Trần Bích Thủy	9-10, D102							12/10/2020	17/01/2021				2020
06	1070138				12	Cù Minh Giang	9-10, D103							12/10/2020	17/01/2021				2020
07	1070138				12	Đào văn Kiên	9-10, D107							12/10/2020	17/01/2021				2020
08	1070138				12	Lương Diệu Ánh	9-10, D108							12/10/2020	17/01/2021				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
09	1070138				12	Bùi Thị Diệu Minh			3-4, C208					12/10/2020	17/01/2021				2020
10	1070138				12	Trần Bích Thủy			3-4, C210					12/10/2020	17/01/2021				2020
11	1070138				11	Cù Minh Giang			3-4, C310					12/10/2020	17/01/2021				2020
12	1070138				11	Lương Diệu Ánh			3-4, D101					12/10/2020	17/01/2021				2020
13	1070138				11	Đặng Thái Sơn			3-4, D102					12/10/2020	17/01/2021				2020
14	1070138				11	Lê Nam			3-4, D103					12/10/2020	17/01/2021				2020
15	1070138				11	Đào văn Kiên			3-4, D107					12/10/2020	17/01/2021				2020
16	1070138				11	Ngô Thị Việt Anh			3-4, D108					12/10/2020	17/01/2021				2020
17	1070138				12	Trần Quốc Thùy				9-10, C210				12/10/2020	17/01/2021				2020
18	1070138				12	Nguyễn Thị Thu Hương				9-10, D101				12/10/2020	17/01/2021				2020
19	1070138				12	Hà Tân Mùi				9-11, D107				12/10/2020	17/01/2021				2020
20	1070138				12	Ngô Thị Việt Anh				9-11, D108				12/10/2020	17/01/2021				2020
21	1070138				11	Đoàn Anh Vũ					3-4, C208			12/10/2020	17/01/2021				2020
22	1070138				11	Bùi Thị Diệu Minh					3-4, C210			12/10/2020	17/01/2021				2020
23	1070138				11	Nguyễn Thị Thu Hương					3-4, C310			12/10/2020	17/01/2021				2020
24	1070138				11	Vũ Ngọc Sơn					3-4, D101			12/10/2020	17/01/2021				2020
25	1070138				11	Trần Bích Thủy						3-4, C208		12/10/2020	17/01/2021				2020
26	1070138				11	Lương Đức Giang						3-4, C210		12/10/2020	17/01/2021				2020
27	1070138				11	Dương Vũ Bình Minh						3-4, D102		12/10/2020	17/01/2021				2020
28	1070138				11	Trần Quốc Thùy						3-4, D108		12/10/2020	17/01/2021				2020
29	1070138				12	Nguyễn Nguyệt Cầm			3-4, D					12/10/2020	17/01/2021				2020
30	1070138				1	Nguyễn Quang Tùng			12-12, D					12/10/2020	17/01/2021				2020
31	1070138				10	Cù Minh Giang	13-15, D108							12/10/2020	17/01/2021	2 ngành			2020
32	1070138				10	Vũ Thanh Xuân			13-15, D101					12/10/2020	17/01/2021	2 ngành			2020
33	1070138				10	Trần Hoài Sơn			13-15, D108					12/10/2020	17/01/2021	2 ngành			2020
34	1070138				10	Cù Minh Giang			13-15, D107					12/10/2020	17/01/2021	2 ngành			2020
	1070140	Keyboard/Guitar 2 A	MUS2086*	0	165														
01	1070140				11	Nguyễn Nguyệt Cầm		9-10, D103						24/08/2020	29/11/2020	Ko DK			2019
02	1070140				11	Nguyễn Thị Thu Hương						3-4, D101		24/08/2020	29/11/2020				2019
03	1070140				11	Lương Diệu Ánh				3-4, D108				24/08/2020	29/11/2020				2019
04	1070140				11	Trần Bích Thủy		3-4, D107						24/08/2020	29/11/2020				2019
05	1070140				11	Vũ Ngọc Sơn			9-10, D103					24/08/2020	29/11/2020				2019
06	1070140				11	Lương Đức Giang	3-4, C310							24/08/2020	29/11/2020				2019
07	1070140				11	Đặng Thái Sơn		9-10, D101						24/08/2020	29/11/2020				2019
08	1070140				11	Cù Minh Giang		3-4, D101						24/08/2020	29/11/2020				2019
09	1070140				11	Bùi Thị Diệu Minh						1-5, C210		24/08/2020	29/11/2020				2019
10	1070140				11	Hà Tân Mùi				3-4, D103				24/08/2020	29/11/2020				2019
11	1070140				11	Bá Săn	3-4, D101							24/08/2020	29/11/2020				2019
12	1070140				11	Đào Văn Thực				3-4, D102				24/08/2020	29/11/2020				2019
13	1070140				11	Dương Vũ Bình Minh						7-11, D107		24/08/2020	29/11/2020				2019
14	1070140				11	Đoàn Anh Vũ		9-10, D102						24/08/2020	29/11/2020				2019
15	1070140				11	Ngô Thị Việt Anh	3-4, D108							24/08/2020	29/11/2020				2019
	1070063	Keyboard/Guitar 3A	MUS2087*	0	66												2019		
01	1070063				11	Hoàng Thị Trà Mi							3-4, D	26/10/2020		K12 LTCD			2020
02	1070063				11	Trần Hoài Sơn							9-10, D	26/10/2020		K12 LTCD			2020
03	1070063				11	Mai Trần Hoàn							3-4, D	26/10/2020		K12 LTCD			2020
04	1070063				11	Vũ Ngọc Sơn							3-4, D	26/10/2020		K12			2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
04	1070063				11	Vũ Ngọc Sơn							3-4, D	26/10/2020		LTCD			2020
06	1070063				11	Vũ Ngọc Sơn							9-10, D102	26/10/2020		K12 LTCD			2020
08	1070063				11	Trần Hoài Sơn							9-10, D	26/10/2020		K12 LTCD			2020
	1070144	Keyboard/Guitar 4	MUS2088	1															
01	1070144				0	Đào Văn Thực					9-10, C208			24/08/2020	29/11/2020	Ko DK			2019
02	1070144				0	Ngô Thị Việt Anh					9-10, D108			24/08/2020	29/11/2020	Ko DK			2019
03	1070144				0	Lương Đức Giang					9-10, C310			24/08/2020	29/11/2020	Ko DK			2019
04	1070144				0	Đào văn Kiên					9-10, D107			24/08/2020	29/11/2020	Ko DK			2019
	1080225	Kỹ năng giao tiếp	CLM2205	2	70												CTXH		
01	1080225				70	Lương Thị Đào			1-5, E306					26/10/2020	10/01/2021				2020
	1080096	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 1	CLM2062	3	35												DVK		
01	1080096				35	Kiều Minh Hiếu					1-5, NA402			19/10/2020	27/12/2020				2020
	1080098	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 3	CLM2064	3	30														
01	1080098				30	Trần Hoàng				7-11, NA402				24/08/2020	15/11/2020				2019
	1080100	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 5	CLM2066	3	40														
01	1080100				40	Dương Anh Đức						1-5, NA402		24/08/2020	15/11/2020				2018
	1080101	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 6	CLM2067	3	20														
01	1080101				20	Đinh Xuân Tùng	1-5, NA402							30/11/2020		K2LT_D VK			2020
	1080102	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 7	CLM2068	3	40														
01	1080102				40	Trần Hoàng			7-11, NA402					24/08/2020	15/11/2020				2017
	1080120	Kỹ thuật điện ảnh	CLM2082	2	40														
01	1080120				40	Nam Trung		7-11, E502						24/08/2020	15/11/2020				2018
	1200021	Kỹ thuật tạo chất liệu vải	DGI2021	2	10														
01	1200021				10	Lê Nguyễn Kiều Trang			1-5, XM					31/08/2020	08/11/2020	K2 CNM			2018
	1070007	Kỹ xướng âm 1	MUS2017	2	441												1* MUS2017		
01	1070007				21	Nghiêm Hồng Hà	1-5, D204							12/10/2020	03/01/2021				2020
02	1070007				21	Vũ Thị Kim Thu	7-11, D204							12/10/2020	03/01/2021				2020
03	1070007				21	Nguyễn Thành Vinh	7-11, D404							12/10/2020	03/01/2021				2020
04	1070007				21	Vũ Thị Kim Thu		1-5, D404						12/10/2020	03/01/2021				2020
05	1070007				21	Nguyễn Hồng Trang		1-5, D304						12/10/2020	03/01/2021				2020
06	1070007				21	Nguyễn Thành Vinh		7-11, D204						12/10/2020	03/01/2021				2020
07	1070007				21	Nguyễn Thị Phương Mai		7-11, D404						12/10/2020	03/01/2021				2020
08	1070007				21	Nguyễn Hồng Trang			1-5, D404					12/10/2020	03/01/2021				2020
09	1070007				21	Phạm Thu Hường			1-5, D405					12/10/2020	03/01/2021				2020
10	1070007				21	Nguyễn Đức Linh			7-10, D404					12/10/2020	03/01/2021				2020
11	1070007				21	Nghiêm Hồng Hà				1-5, D305				12/10/2020	03/01/2021				2020
12	1070007				21	Nguyễn Thị Lệ Huyền				1-5, D404				12/10/2020	03/01/2021				2020
13	1070007				21	Mai Linh Chi				7-11, D404				12/10/2020	03/01/2021				2020
14	1070007				21	Nguyễn Đức Linh				7-11, D305				12/10/2020	03/01/2021				2020
15	1070007				21	Nguyễn Hồng Trang					1-5, D404			12/10/2020	03/01/2021				2020
16	1070007				21	Nguyễn Đức Linh					7-11, D305			12/10/2020	03/01/2021				2020
17	1070007				21	Trần Thị Thanh Hương					7-11, D304			12/10/2020	03/01/2021				2020
18	1070007				21	Phạm Thu Hường						1-5, D304		12/10/2020	03/01/2021				2020
19	1070007				21	Nguyễn Thị Phương Mai						7-11, D305		12/10/2020	03/01/2021				2020
20	1070007				21	Ng.Thị Thu Trang						7-11, D305		12/10/2020	03/01/2021				2020
21	1070007				21	Khuất Duy Nhã	7-11, D405							12/10/2020	03/01/2021				2020
	1070021	Kỹ xướng âm 3	MUS2019	2	207												3* MUS2019		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1070021				17	Nguyễn Thị Phương Mai	1-5, D406							24/08/2020	22/11/2020				2019
02	1070021				17	Nguyễn Đức Linh	1-5, D405							24/08/2020	22/11/2020				2019
03	1070021				17	Nguyễn Thị Lệ Huyền		1-5, D204						24/08/2020	22/11/2020				2019
04	1070021				17	Nghiêm Hồng Hà		1-5, D405						24/08/2020	22/11/2020				2019
05	1070021				17	Nghiêm Hồng Hà			7-11, D204					24/08/2020	22/11/2020				2019
06	1070021				17	Ng.Thị Thu Trang				1-5, D406				24/08/2020	22/11/2020				2019
07	1070021				17	Phạm Thu Hường				7-11, D406				24/08/2020	22/11/2020				2019
08	1070021				17	Vũ Thị Kim Thu					1-5, D204			24/08/2020	22/11/2020				2019
09	1070021				17	Nguyễn Thị Lệ Huyền						1-5, D405		24/08/2020	22/11/2020				2019
10	1070021				17	Vũ Thị Kim Thu						7-11, D404		24/08/2020	22/11/2020				2019
11	1070021				17	Nguyễn Hồng Trang						1-5, D406		24/08/2020	22/11/2020				2019
12	1070021				20	Nguyễn Hồng Trang					7-11, D			23/11/2020					2020
	1070037	Kỷ xướng âm 5	MUS2021	2	174												5* MUS2021		
01	1070037				16	Nguyễn Đức Linh		1-5, D406						24/08/2020	22/11/2020				2018
02	1070037				16	Vũ Thị Kim Thu		7-11, D204						24/08/2020	22/11/2020				2018
03	1070037				16	Nguyễn Hồng Trang				1-5, D204				24/08/2020	22/11/2020				2018
04	1070037				16	Nguyễn Khải				7-11, D204				24/08/2020	22/11/2020				2018
05	1070037				16	Phạm Thu Hường		1-5, D304						24/08/2020	22/11/2020				2018
06	1070037				16	Mai Linh Chi					7-11, D204			24/08/2020	22/11/2020				2018
07	1070037				16	Khuất Duy Nhã					7-11, D406			24/08/2020	22/11/2020				2018
08	1070037				16	Nguyễn Thị Phương Mai						1-5, D204		24/08/2020	22/11/2020				2018
09	1070037				16	Khuất Duy Nhã						7-11, D204		24/08/2020	22/11/2020				2018
10	1070037				15	Phạm Thu Hường						7-11, D405		28/09/2020	27/12/2020	K11 LTSPAN			2019
11	1070037				15	Nguyễn Thị Lệ Huyền						7-11, D406		28/09/2020	27/12/2020	K11 LTSPAN			2019
	1070112	Lịch sử âm nhạc thế giới 1	MUS2060	2	200												2018		
01	1070112				40	Đoàn Thị Thu Hà		7-11, DNN						24/08/2020	01/11/2020				2019
02	1070112				40	Vũ Thị Kim Thu				1-5, DNN				24/08/2020	01/11/2020				2019
03	1070112				40	Nguyễn Thị Phương Mai				7-11, DNN				24/08/2020	01/11/2020				2019
04	1070112				40	Ng.Thị Thu Trang					7-11, E306			24/08/2020	01/11/2020				2019
05	1070112				40	Nguyễn Thị Tổ Mai			7-11, E306					24/08/2020	01/11/2020				2019
	1080089	Lịch sử Điện ảnh Thế giới và Việt Nam	CLM2058	3	40												DVK		
01	1080089				40	Hà Thị Thu Hà				7-11, E502				24/08/2020	15/11/2020				2018
	1060030	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	FAE2079	2	40												4_SPMT_M4		
01	1060030				40	Đào Thị Thuý Anh					1-5, E506			24/08/2020	25/10/2020				2018
	1080084	Lịch sử sân khấu Thế giới và Việt Nam	CLM2057	3	20														
01	1080084				20	Hà Thị Hoa	7-11, E							30/11/2020		K2LT_D VK			2020
	1130006	Lịch sử triết học 2	POL2006	2	10												6* 7_TKDH_TC		
01	1130006				10	Đinh Văn Hoàng						1-5, E301		19/10/2020	22/11/2020				2018
	1080121	Lịch sử văn học thế giới và Việt Nam	CLM2084	3	40														
01	1080121				40	Hà Thị Thu Hà					7-11, E503			24/08/2020	25/10/2020				2018
	1080004	Lịch sử văn học Việt Nam và Thế giới	CLM2089	2	20												DVK 2019		
01	1080004				20	Hà Thị Thu Hà						1-5, E503		30/11/2020		K2LT_D VK			2020
	1080008	Lịch sử văn minh thế giới	CLM2004	2	70												1_QLVH_M2_TC		
01	1080008				70	Vũ Thị Thái Hoa				7-11, E501				19/10/2020	10/01/2021				2020
	1060023	Luật xa gần	FAE2078	2	10												1_SPMT_M3		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1060023				10	Trang Tô Uyên							7-11, LR			Lop riêng			2016
	1070005	Lý thuyết Âm nhạc 1	MUS2008	3	450												1*MUS2008		
01	1070005				50	Ng.Thị Thu Trang	1-5, D404							12/10/2020	03/01/2021	K15A			2020
02	1070005				50	Nguyễn Thị Phương Mai		1-5, D2						12/10/2020	03/01/2021	K15B			2020
03	1070005				50	Mai Linh Chi		7-11, D305						12/10/2020	03/01/2021	K15C			2020
04	1070005				50	Trần Thị Thanh Hương		7-11, D1						12/10/2020	03/01/2021	K8TN			2020
05	1070005				50	Trần Thị Thanh Hương			7-11, D1					12/10/2020	03/01/2021	K15D			2020
06	1070005				50	Nguyễn Thị Phương Mai				1-5, D305				12/10/2020	03/01/2021	K15E			2020
07	1070005				50	Trần Thị Thanh Hương				7-11, D1				12/10/2020	03/01/2021	K15F			2020
08	1070005				50	Ng.Thị Thu Trang					1-5, D305			12/10/2020	03/01/2021				2020
09	1070005				50	Nguyễn Thị Phương Mai					7-11, D305			12/10/2020	03/01/2021	K8TN+PIANO			2020
	1060048	Lý thuyết bố cục	FAE2028	2	5												1*FAE2028		
01	1060048				5	Vũ Thị Kim Vân				1-5, B105	1-5, B105	1-5, B105		07/12/2020	31/01/2021	HH			2020
	1080034	Marketing văn hóa nghệ thuật	CLM2035	2	45												7_QLVH_M4		
01	1080034				45	Ng.Thị Thanh Mai	7-11, E502							24/08/2020	01/11/2020				2017
	1070006	Múa A	MUS2011*	0	372												1*MUS2011		
01	1070006				31	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607 CA1							12/10/2020	03/01/2021				2020
02	1070006				31	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607 CA 2							12/10/2020	03/01/2021				2020
03	1070006				31	Ng.Th.Quỳnh Phương			7-11, E607 CA1					12/10/2020	03/01/2021				2020
04	1070006				31	Ng.Th.Quỳnh Phương			7-11, E607 CA2					12/10/2020	03/01/2021				2020
05	1070006				31	Ng.Th.Quỳnh Phương					1-5, E607 CA1			12/10/2020	03/01/2021				2020
06	1070006				31	Ng.Th.Quỳnh Phương					1-5, E607 CA 2			12/10/2020	03/01/2021				2020
07	1070006				31	Phạm Ngọc Thùy					7-11, E607 CA1			12/10/2020	03/01/2021				2020
08	1070006				31	Phạm Ngọc Thùy					7-11, E607 CA2			12/10/2020	03/01/2021				2020
09	1070006				31	Ng.Th.Quỳnh Phương						1-5, E607 CA1		12/10/2020	03/01/2021				2020
10	1070006				31	Ng.Th.Quỳnh Phương						1-5, E607 CA 2		12/10/2020	03/01/2021				2020
11	1070006				31	Phạm Ngọc Thùy						7-11, E607 CA1		12/10/2020	03/01/2021				2020
12	1070006				31	Phạm Ngọc Thùy						7-11, E607 CA2		12/10/2020	03/01/2021				2020
	1070115	Múa và Phương pháp dạy múa cho trẻ em	MUS2045	3	3												MUS2045		
01	1070115				3	Ng.Th.Quỳnh Phương		7-11, E607						24/08/2020	06/12/2020				2018
	1060098	Mỹ học	FAE2072	2	160												2*		
01	1060098				40	Nguyễn Minh Tân				7-11, E505				24/08/2020	25/10/2020				2019
02	1060098				40	Nguyễn Minh Tân		7-11, E505						24/08/2020	25/10/2020				2019
03	1060098				40	Nguyễn Minh Tân				1-5, E501				24/08/2020	25/10/2020				2019
04	1060098				40	Nguyễn Minh Tân					1-5, E501			24/08/2020	25/10/2020				2019
	1070046	Mỹ học (AN)	MUS2002	2	160												MUS2002		
01	1070046				40	Nguyễn Đăng Nghị	1-5, D2							24/08/2020	18/10/2020	2017			2017
02	1070046				40	Trần Vĩnh Khương			7-11, D2					24/08/2020	18/10/2020	2017			2017
03	1070046				40	Lại Hồng Phong					1-5, DNN			24/08/2020	18/10/2020	2017			2017
04	1070046				40	Trần Vĩnh Khương					7-11, D2			24/08/2020	18/10/2020	2017			2017
	1060100	Mỹ thuật Sân khấu biểu diễn	FAE2090	2	128												2019		

01	1060100				16	Vũ Thị Kim Vân								1-5, T, 4000			K12		2020
----	---------	--	--	--	----	----------------	--	--	--	--	--	--	--	--------------	--	--	-----	--	------

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1060100				16	Vũ Thị Kim Vân							1-5, T. truong			SPMT			2020
02	1060100				16	Nguyễn Thị Trang Ngà							1-5, T. truong			K12 SPMT			2020
03	1060100				16	Chu Thị Hương Thu							1-5, T. truong			K12 SPMT			2020
04	1060100				16	Nguyễn Thị Huyền							1-5, T. truong			K12 SPMT			2020
05	1060100				16	Nguyễn Thị Trang Ngà							1-5, Ng. truong			K12 SPMT Ptho			2020
06	1060100				16	Chu Hoàng Trung							1-5, Ng. truong			K12 SPMT Ptho			2020
07	1060100				16	Lưu Thị Hồng Diễm							1-5, Ng. truong			K12 SPMT Ptho			2020
08	1060100				16	Chu Thị Hương Thu							1-5, Ng. truong			K12 SPMT Ptho			2020
	1020004	Mỹ thuật trang phục	FAD2008	2	3														
01	1020004				3	Vũ Thanh Nghị							1-5, LR			Lop riêng			2016
	1070052	Nghệ thuật học đại cương	MUS2003	2	160												1*MUS2003		
01	1070052				40	Trần Vĩnh Khương	1-5, D3							24/08/2020	01/11/2020	2017			2017
02	1070052				40	Nguyễn Thu Hằng		7-11, D305						24/08/2020	01/11/2020	2017			2017
03	1070052				40	Lại Hồng Phong				1-5, D2				24/08/2020	01/11/2020	2017			2017
04	1070052				40	Nguyễn Đăng Nghị					1-5, D2			24/08/2020	01/11/2020	2017			2017
	1060021	Nghệ thuật học đại cương	FAE2070	2	220												4_SPMT_M3		
01	1060021				55	Trang Tổ Uyên	1-5, E506							12/10/2020	31/01/2021				2020
02	1060021				55	Trần Thị Vân		1-5, E506						12/10/2020	31/01/2021				2020
03	1060021				55	Nguyễn Thị Giang			1-5, E301					12/10/2020	31/01/2021				2020
04	1060021				55	Nguyễn Thị Giang				1-5, E502				26/10/2020	31/01/2021				2020
	1060102	Nghệ thuật tạo hình không gian 2D, 3D	FAE2089	2	92												2019		
01	1060102				15	Nguyễn Huy Trung							13-14, BC			K11 LT			2019
02	1060102				15	Nguyễn Thị May							13-14, BC			K11 LT			2019
03	1060102				15	Hoàng Đức Dũng							13-14, BC			K11 LT			2019
04	1060102				15	Lê Thị Kim Liên							13-14, BC			K11 LT			2019
05	1060102				15	Phan Văn Hùng							13-14, BC			K11 LT			2019
06	1060102				17	Nguyễn Tú Anh							13-14, BC			K11 LT			2019
	1080027	Nghệ thuật thực hành	CLM2024	4	52												chọn 1/5		
01	1080027				13	Nguyễn Đức Hoàng		1-5, E306:7-11, Đan						24/08/2020	06/12/2020				2018
02	1080027				13	Lý Minh Huệ		1-5, E502:7-11, Đan						24/08/2020	06/12/2020				2018
03	1080027				13	Phạm Ngọc Thùy		1-5, NA501:7-11, Mua						24/08/2020	06/12/2020				2018
04	1080027				13	Trần Thị Thảo					1-5, D307:7-11, TNhac			24/08/2020	06/12/2020				2018
	1060096	Nghiên cứu tác phẩm của các danh họa	FAE2046	2	10														
01	1060096				10	Nguyễn Quang Minh	1-5, B	1-5, B	1-5, B					24/08/2020	01/11/2020				2017
	1170011	Nguyên lý thị giác	GRD2006	4	132												5_TKDH_M3		
01	1170011				44	Nguyễn Thành Sơn	1-5, E603							24/08/2020	25/10/2020				2018
02	1170011				44	Nguyễn Thành Sơn		1-5, E603						24/08/2020	25/10/2020				2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1170011				44	Nguyễn Thành Sơn				1-5, E603				24/08/2020	25/10/2020				2018
	1100066	Nhạc cụ 1A	IMU2001*	0	13												1_SPAN		
01	1100066				10	Cù Minh Giang	13-13, HL							24/08/2020					2018
02	1100066				1	Đào văn Kiên	13-13, HL							24/08/2020	20/12/2020				2018
03	1100066				1	Nguyễn Quang Tùng			9-10, D					24/08/2020	20/12/2020				2018
04	1100066				1	Ngô Thị Việt Anh				13-13, HL				24/08/2020	20/12/2020				2018
	1100069	Nhạc cụ 2A	IMU2002*	0	1												3_SPAN		
01	1100069				1	Đào văn Kiên			13-13, HL					24/08/2020	20/12/2020				2018
	1100072	Nhạc cụ 3A	VMI2013*	0	1												5_SPAN		
01	1100072				0	Bùi Thị Diệu Minh	3-4, D107							24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
02	1100072				0	Đoàn Anh Vũ	3-4, D102							24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
03	1100072				0	Bá Sấn		3-4, D108						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
04	1100072				0	Đoàn Anh Vũ		3-4, D102						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
05	1100072				1	Trần Quốc Thùy						7-11, HL		24/08/2020	20/12/2020				2018
06	1100072				0	Phạm Hồng Phương	3-4, D103							24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
07	1100072				0	Đào văn Kiên			9-10, D107					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
09	1100072				0	Nguyễn Nguyệt Cầm		9-10, D103						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
10	1100072				0	Nguyễn Quang Tùng			9-10, C208					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
11	1100072				0	Lương Đức Giang				9-10, C310				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
12	1100072				0	Đoàn Anh Vũ				9-10, D101				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
13	1100072				0	Hà Tân Mùi				9-10, C208				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
14	1100072				0	Nguyễn Thị Thu Hương						9-10, D101		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
16	1100072				0	Vũ Ngọc Sơn				7-8, D102				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
17	1100072				0	Đặng Thái Sơn				9-10, D102				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
	1100012	Nhạc cụ 4	VMI2014	1													SPAN		
01	1100012				0	Bá Sấn		9-10, D108						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
03	1100012				0	Lương Diệu Ánh			9-10, D108					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
04	1100012				0	Đặng Thái Sơn			9-10, D102					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
05	1100012				0	Trần Quốc Thùy			9-10, D101					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
06	1100012				0	Nguyễn Nguyệt Cầm		9-10, D103						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
07	1100012				0	Nguyễn Quang Tùng			9-10, C208					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
08	1100012				0	Vũ Thanh Xuân			9-10, C210					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
11	1100012				0	Hà Tân Mùi				3-4, D102				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
12	1100012				0	Lương Diệu Ánh				3-4, D108				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
13	1100012				0	Đào văn Kiên				3-4, D107				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
15	1100012				0	Ngô Thị Việt Anh				9-10, D108				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
	1070103	Nhạc cụ tự chọn A	MUS2064*	0	4												2018		
01	1070103				1	Nguyễn Quang Tùng						11-12, C210 Guita		24/08/2020	22/11/2020				2018
02	1070103				1	Bùi Thị Diệu Minh						11-12, C210 Rder		24/08/2020	22/11/2020				2018
03	1070103				1	Nguyễn Thị Thu Hương		11-12, C210 Rder						24/08/2020	22/11/2020				2018
04	1070103				1	Nguyễn Thành Vinh		5-6, C210 RCder						24/08/2020	22/11/2020				2018
	1070145	Nhạc cụ tự chọn A	MUS2082*	0	247												2019		
01	1070145				11	Phạm Hồng Phương				5-6, D103 Guita				24/08/2020	20/12/2020				2019
02	1070145				11	Phạm Hồng Phương				11-12, D103 Guita				24/08/2020	20/12/2020				2019
03	1070145				11	Nguyễn Nguyệt Cầm		5-6, D103 Guita						24/08/2020	20/12/2020				2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
04	1070145				11	Nguyễn Nguyệt Cầm				11-12, D103 Guita				24/08/2020	20/12/2020				2019
05	1070145				11	Nguyễn Quang Tùng		5-6, C208 Guita						24/08/2020	20/12/2020				2019
06	1070145				11	Nguyễn Quang Tùng				5-6, C208 Guita				24/08/2020	20/12/2020				2019
07	1070145				11	Nguyễn Quang Tùng				11-12, C208 Guita				24/08/2020	20/12/2020				2019
08	1070145				11	Nguyễn Thị Lệ Huyền		11-12, C208 Vio						24/08/2020	20/12/2020				2019
09	1070145				11	Nguyễn Thành Vinh	5-6, C210 RCder							24/08/2020	20/12/2020				2019
11	1070145				11	Nguyễn Thị Thu Hương		11-12, C210 Rcdcr						24/08/2020	20/12/2020				2019
12	1070145				11	Trần Quốc Thùy				5-6, C210 Key				24/08/2020	20/12/2020				2019
13	1070145				11	Trần Thị Bích Hồng						11-12, C210 Dbau		24/08/2020	20/12/2020				2019
14	1070145				11	Khuất Duy Nhã		5-6, C206 Drum						24/08/2020	20/12/2020				2019
15	1070145				11	Khuất Duy Nhã			11-12, C206 Drum					24/08/2020	20/12/2020				2019
16	1070145				1	Nguyễn Quang Tùng						11-12, C210 Guita		24/08/2020	20/12/2020	BS			2019
17	1070145				1	Bùi Thị Diệu Minh						11-12, C210 Rcdcr		24/08/2020	20/12/2020	BS			2019
18	1070145				15	Nguyễn Đức Linh							11-12, D	19/10/2020					2020
19	1070145				1	Nguyễn Thành Vinh		5-6, C210 RCder						24/08/2020	20/12/2020	BS			2019
20	1070145				15	Nguyễn Thành Vinh							5-6, D	19/10/2020					2020
21	1070145				15	Bùi Thị Diệu Minh							11-12, D	19/10/2020					2020
22	1070145				15	Hà Tân Mùi							5-6, D	19/10/2020					2020
23	1070145				15	Nguyễn Thị Hương							5-6, D	19/10/2020					2020
25	1070145				15	Đào Văn Thực							11-12, D	19/10/2020					2020
	1080006	Nhân học văn hóa	CLM2002	2	70												5_QLVH_M2		
01	1080006				70	Nguyễn Hữu Thức	1-5, E501							24/08/2020	01/11/2020				2018
	1020021	Nhân trắc học may mặc	FAD2004	2	45														
01	1020021				45	Ngô Thị Thủy Thu	1-5, XM							31/08/2020	11/10/2020	Xem lại buổi			2019
	1080179	Nhập môn du lịch	CLM2103	3	70												DL		
01	1080179				70	Phạm Hồng Long			1-5, E501					19/10/2020	10/01/2021				2020
	1080232	Nhập môn công tác xã hội	CLM2211	3	70												CTXH		
01	1080232				70	Phạm Thanh Bình				7-11, E505				26/10/2020	10/01/2021				2020
	1200003	Nhập môn design	DGI2003	2	10														
01	1200003				10	Nguyễn Hải Hà				1-5, A				24/08/2020	18/10/2020	K2 CNM			2018
	1070042	Nhập môn phức điệu	MUS2015	2	160												MUS2015		
01	1070042				40	Mai Linh Chi	1-5, D304							24/08/2020	18/10/2020				2018
02	1070042				40	Mai Linh Chi	7-11, D304							24/08/2020	18/10/2020				2018
03	1070042				40	Nguyễn Khải			1-5, D304					24/08/2020	18/10/2020				2018
04	1070042				40	Nguyễn Khải			7-11, D304					24/08/2020	18/10/2020				2018
	1170032	Phần mềm Inlustrator	GRD2029	2	126														
01	1170032				14	Nguyễn Duy Hùng		1-5, E406						24/08/2020	01/11/2020				2017
02	1170032				14	Tổng Việt Anh		1-5, E406						24/08/2020	01/11/2020				2017
03	1170032				14	Nguyễn Hoàng Tùng		1-5, E406						24/08/2020	01/11/2020				2017
04	1170032				14	Lê Huy Thực		7-11, E406						24/08/2020	01/11/2020				2017
05	1170032				14	Nguyễn Xuân Giáp		7-11, E406						24/08/2020	01/11/2020				2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1170032				14	Tổng Việt Anh		7-11, E406						24/08/2020	01/11/2020				2017
07	1170032				14	Nguyễn Duy Hùng					1-5, E406			24/08/2020	01/11/2020				2017
08	1170032				14	Lê Huy Thục					1-5, E406			24/08/2020	01/11/2020				2017
09	1170032				14	Nguyễn Đỗ Long					1-5, E406			24/08/2020	01/11/2020				2017
	1080137	Phân tích Kịch bản văn học	CLM2100	3	40												K3 DVK 2017		
01	1080137				40	Hà Thị Thu Hà					1-5, E502			24/08/2020	15/11/2020				2017
	1070009	Phân tích tác phẩm 2	MUS2079	3	40												2019		
01	1070009				40	Trần Thị Thanh Hương							1-5, D305	28/09/2020	06/12/2020	K11 LTSPAN			2019
	1070036	Phân tích tác phẩm 2	MUS2025	2	160												5*MUS2025		
01	1070036				40	Phạm Thu Hường	1-5, D305							24/08/2020	01/11/2020				2018
02	1070036				40	Phạm Thu Hường	7-11, D305							24/08/2020	01/11/2020				2018
03	1070036				40	Trần Thị Thanh Hương			1-5, D305					24/08/2020	01/11/2020				2018
04	1070036				40	Nguyễn Thành Vinh			7-11, D305					24/08/2020	01/11/2020				2018
	1130007	Pháp luật đại cương	POL2007	2	240												1* Chung DH&CD		
01	1130007				40	Phạm Thị Thu Hà	7-11, E507							24/08/2020	18/10/2020	UT K14 MT			2019
02	1130007				40	Lê Thị Nguyên		7-11, E506						24/08/2020	18/10/2020	DH			2019
03	1130007				40	Phạm Thị Thu Hà					1-5, E			24/08/2020	18/10/2020				2019
04	1130007				40	Lê Thị Nguyên			7-11, E505					24/08/2020	18/10/2020	DH			2019
05	1130007				40	Lê Thị Nguyên				7-11, E101				24/08/2020	18/10/2020	DH			2019
06	1130007				40	Lê Thị Nguyên					7-11, E301			24/08/2020	18/10/2020				2019
	1100103	Phát âm tiếng Ý	VMU2024	2	50														
01	1100103				50	Đỗ Hương Giang				1-5, E305				26/10/2020	17/01/2021				2020
	1100097	Phát âm tiếng Ý và một số ngôn ngữ khác	VMU2021	3	1												2017		
01	1100097				1	Đỗ Hương Giang				1-5, E305				26/10/2020	17/01/2021				2017
	1080028	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	CLM2029	4	44												5_QLVH_M4		
01	1080028				11	Trần Vĩnh Khương					1-5, NA501			24/08/2020	29/11/2020				2017
02	1080028				11	Ng.Thị Thanh Mai					7-11, NA501			24/08/2020	29/11/2020				2017
03	1080028				11	Lý Minh Huệ				1-5, NA501				24/08/2020	29/11/2020				2017
04	1080028				11	Phạm Ngọc Thùy				7-11, NA501				24/08/2020	29/11/2020				2017
	1070032	Phương pháp dạy học âm nhạc 1	MUS2031	2	160												4*MUS2031		
01	1070032				40	Đoàn Thị Thu Hà			1-5, D1					24/08/2020	15/11/2020				2019
03	1070032				40	Nguyễn Thị Tổ Mai				7-11, E306				24/08/2020	15/11/2020				2019
04	1070032				40	Nguyễn Thị Lệ Huyền					7-11, D1			24/08/2020	15/11/2020				2019
05	1070032				40	Mai Linh Chi						7-11, D1		24/08/2020	15/11/2020				2019
	1070073	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2065	3	125												2018		
01	1070073				25	Đoàn Thị Thu Hà	1-5, D1							24/08/2020	29/11/2020				2018
02	1070073				25	Nguyễn Thị Lệ Huyền	7-11, D1							24/08/2020	29/11/2020				2018
03	1070073				25	Nguyễn Đức Linh			1-5, D2					24/08/2020	29/11/2020				2018
04	1070073				25	Mai Linh Chi			7-11, D1					24/08/2020	29/11/2020				2018
05	1070073				25	Đoàn Thị Thu Hà					1-5, D1			24/08/2020	29/11/2020				2018
	1060107	Phương pháp dạy học Mỹ thuật 1	FAE2094	3	40												2019		
01	1060107				40	Trần Thị Vân				1-5, E506				24/08/2020	25/10/2020				2019
	1190028	Phương pháp dạy học Piano	PIA2017	2	25														
01	1190028				25	Nguyễn Ngọc Anh					7-11, D4			24/08/2020	20/12/2020				2018
	1140019	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	240												1* Dang dung		
01	1140019				40	Nguyễn Mai Hương		1-5, E507						24/08/2020	25/10/2020				2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1140019				40	Nguyễn Mai Hương				1-5, E507				24/08/2020	25/10/2020	UT K13 SPMT			2018
03	1140019				40	Nguyễn Mai Hương					1-5, E507			24/08/2020	25/10/2020				2018
04	1140019				40	Đỗ Ánh Tuyết			7-11, E507					24/08/2020	25/10/2020				2018
05	1140019				40	Đỗ Ánh Tuyết				7-11, E507				24/08/2020	25/10/2020				2018
06	1140019				40	Đỗ Ánh Tuyết					7-11, E507			24/08/2020	25/10/2020				2018
	1080083	Phương pháp sân khấu truyền thống	CLM2056	2	40												DVK		
01	1080083				40	Ng.Thuý Hường		1-5, E502						24/08/2020	15/11/2020				2019
	1060013	Phương pháp tổ chức tạo hình cho trẻ em	FAE2062	2	10												3_SPMT_M2		
01	1060013				10	Nguyễn Thị Giang			7-11, E506					24/08/2020		K4 MNAN			2017
	1100064	Piano 1.1	PIA2023	1	78												Dang dung		
01	1100064				6	Ngô Thị Việt Anh	9-10, D							12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
02	1100064				6	Ngô Thị Việt Anh					3-4, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
03	1100064				6	Lương Diệu Ánh	3-4, D							12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
04	1100064				6	Lương Diệu Ánh					9-10, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
05	1100064				6	Mai Linh Chi		3-4, D						12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
06	1100064				6	Trần Hoài Sơn	9-11, D							12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
07	1100064				6	Trần Hoài Sơn					3-4, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
08	1100064				6	Vũ Thanh Xuân	9-10, D							12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
09	1100064				6	Hoàng Thị Trà Mi	9-10, D							12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
10	1100064				6	Hoàng Thị Trà Mi				9-10, D				12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
11	1100064				6	Dương Vũ Bình Minh	9-10, D							12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
12	1100064				6	Đoàn Anh Vũ			3-4, D					12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
13	1100064				6	Vũ Thùy Linh	9-10, D							12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
	1100065	Piano 1.2	PIA2023	1	1												Dang dung		
01	1100065				1	Trần Hoài Sơn		2-3, D						19/10/2020					2016
	1100085	Piano 2.1	PIA2024	1	1												Dang dung		
01	1100085				0	Vũ Thùy Linh					7-11, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
02	1100085				0	Vũ Thùy Linh			7-11, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
03	1100085				0	Hoàng Thị Trà Mi	7-11, D							24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
04	1100085				0	Vũ Thanh Xuân					7-11, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
05	1100085				0	Lương Diệu Ánh	1-5, D							24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
06	1100085				0	Ngô Thị Việt Anh			7-11, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
07	1100085				0	Trần Hoài Sơn		1-5, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
08	1100085				0	Trần Hoài Sơn					7-11, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
09	1100085				0	Dương Vũ Bình Minh						7-11, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
10	1100085				0	Hoàng Thị Trà Mi						1-5, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
11	1100085				0	Mai Linh Chi		1-5, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
12	1100085				0	Dương Vũ Bình Minh	1-5, D							24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
13	1100085				1	Nguyễn Thanh Hải	7-11, D							24/08/2020	20/12/2020				2019
14	1100085				0	Dương Vũ Bình Minh						1-5, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
	1190001	Piano CN 1.1	PIA2003	2	34														
01	1190001				3	Đinh Công Hải	7-8, D		1-2, D					12/10/2020	24/01/2021				2020
02	1190001				3	Hà Cẩm Vân		7-8, D			1-2, D			12/10/2020	24/01/2021				2020
03	1190001				3	Lê Nam	1-2, D			7-8, D				12/10/2020	24/01/2021				2020
04	1190001				3	Lại Thị Phương Thảo	7-8, D			7-8, D				12/10/2020	24/01/2021				2020
05	1190001				3	Phạm Hoàng Lê	7-8, D			7-8, D				12/10/2020	24/01/2021				2020
06	1190001				3	Đoàn Lê Phan Anh			1-2, D			1-2, D		12/10/2020	24/01/2021				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
07	1190001				3	Nguyễn Thị Hiền Anh	7-8, D					1-2, D		12/10/2020	24/01/2021				2020
08	1190001				3	Lê Hải Thuận	7-8, D		1-2, D					12/10/2020	24/01/2021				2020
09	1190001				3	Trần Hà Mi	7-8, D			7-8, D				12/10/2020	24/01/2021				2020
10	1190001				3	Nghiêm Thị Hà Ngân	7-8, D		1-2, D					12/10/2020	24/01/2021				2020
11	1190001				3	Bùi Đăng Khánh	7-8, D		1-2, D					12/10/2020	24/01/2021				2020
12	1190001				1	Nguyễn Thị Hiền Anh	1-2, D		1-2, D					12/10/2020	24/01/2021				2020
	1190003	Piano CN 2.1	PIA2004	2	3														
01	1190003				1	Phạm Hoàng Lê				1-2, D									2019
02	1190003				0	Đinh Công Hải	1-2, D		7-9, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
03	1190003				0	Hà Cẩm Vân	1-2, D		7-9, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
05	1190003				0	Nguyễn Ngọc Anh	1-2, D		7-9, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
06	1190003				0	Nghiêm Thị Hà Ngân		1-2, D			7-9, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
07	1190003				0	Đinh Thu Hương	1-2, D		7-9, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
08	1190003				0	Bùi Đăng Khánh	1-2, D		7-9, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
09	1190003				0	Đoàn Lê Phan Anh		1-2, D			7-9, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
10	1190003				0	Phạm Hoàng Lê		1-2, D			7-9, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
11	1190003				0	Nguyễn Thị Hiền Anh		1-2, D			1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
12	1190003				0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D		7-9, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
13	1190003				1	Phạm Hoàng Lê		1-2, D		1-2, D									2019
14	1190003				1	Nghiêm Thị Hà Ngân		1-2, D			1-2, D								2019
	1190004	Piano CN 2.2	PIA2004	2	2														
01	1190004				1	Nguyễn Thị Hiền Anh	7-8, D				1-2, D			24/08/2020	20/12/2020				2017
02	1190004				1	Trần Hà Mi				1-2, D		1-2, D		24/08/2020	20/12/2020				2017
	1190005	Piano CN 3.1	PIA2005	2	2														
01	1190005				0	Đinh Công Hải	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
02	1190005				0	Nguyễn Ngọc Anh	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
03	1190005				0	Lê Nam	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
04	1190005				1	Lê Nam				7-8, D		7-8, D							2018
05	1190005				0	Hà Cẩm Vân		1-2, D		1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
06	1190005				0	Đinh Thu Hương	1-2, D		1-2, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
08	1190005				0	Bùi Đăng Khánh	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
09	1190005				0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
10	1190005				0	Trần Hà Mi		1-2, D		1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
11	1190005				1	Hà Cẩm Vân		7-8, D		7-8, D									2018
	1190006	Piano CN 3.2	PIA2005	2	3														
01	1190006				1	Bùi Đăng Khánh	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020				2016
02	1190006				1	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020				2016
03	1190006				1	Lại Thị Phương Thảo	7-8, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020				2016
	1190007	Piano CN 4.1	PIA2006	2	3														
01	1190007				0	Đinh Công Hải	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
02	1190007				0	Lại Thị Phương Thảo	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
03	1190007				0	Nguyễn Ngọc Anh	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
04	1190007				0	Nguyễn Ngọc Anh	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
05	1190007				0	Nghiêm Thị Hà Ngân		7-8, D			1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
06	1190007				0	Hà Cẩm Vân	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
07	1190007				0	Nguyễn Thị Hiền Anh		1-2, D			1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
08	1190007				1	Trần Hà Mi				1-2, D		1-2, D							2017
09	1190007				0	Trần Hà Mi		1-2, D		1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
10	1190007				0	Đoàn Lê Phan Anh		1-2, D			7-8, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
11	1190007				0	Phạm Hoàng Lê		1-2, D			7-8, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
12	1190007				1	Lê Nam	7-8, D			7-8, D				24/08/2020	20/12/2020				2017
13	1190007				1	Lê Hải Thuận			7-8, D	1-2, D				24/08/2020	20/12/2020				2017
	1080023	Quản lý di sản văn hóa	CLM2020	4	70												6_QLVH_M4		
01	1080023				70	Vũ Thị Thái Hoa	7-11, E503							24/08/2020	29/11/2020				2018
	1080037	Quản lý dự án văn hóa	CLM2038	2	45												7_QLVH_M4		
01	1080037				45	Nguyễn Thị Phương Thanh		7-11, E403						24/08/2020	15/11/2020				2017
	1080026	Quản lý hoạt động biểu diễn	CLM2023	2	70												4_QLVH_M4		
01	1080026				70	Lý Minh Huệ					1-5, E503			24/08/2020	01/11/2020				2018
	1080020	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 1	CLM2017	3	40												3_QLVH_M4		
02	1080020				40	Nông Thị Thanh Thuý				7-11, E503				24/08/2020					2019
	1080024	Quản lý văn hóa du lịch	CLM2021	2	70												6_QLVH_M4		
01	1080024				70	Nguyễn Thị Thanh Loan			1-5, E501					24/08/2020	01/11/2020				2018
	1140016	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	PPE2028	3	175												3* RL 2018		
01	1140016				35	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	7-11, E301							24/08/2020	15/11/2020	UT K14 SPMT			2019
02	1140016				35	Nguyễn Thị Tuyết Nhung			7-11, E405					24/08/2020	15/11/2020				2019
04	1140016				35	Nguyễn Thị Duyên		7-11, E507						24/08/2020	15/11/2020				2019
05	1140016				35	Nguyễn Thị Duyên				1-5, E301				24/08/2020	15/11/2020				2019
06	1140016				35	Nguyễn Mai Hương			1-5, E507					24/08/2020	15/11/2020				2019
	1140020	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	PPE2009	2	5												4*		
01	1140020				1	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	7-11, E301							24/08/2020	15/11/2020	Lop ghep			2017
02	1140020				1	Nguyễn Thị Tuyết Nhung			7-11, E405					24/08/2020	15/11/2020	Lop ghep			2017
03	1140020				1	Nguyễn Thị Duyên		7-11, E507						24/08/2020	15/11/2020	Lop ghep			2017
04	1140020				1	Nguyễn Thị Duyên				1-5, E301				24/08/2020	15/11/2020	Lop ghep			2017
05	1140020				1	Nguyễn Mai Hương			1-5, E507					24/08/2020	15/11/2020	Lop ghep			2017
	1070047	Sáng tác	MUS2012	2	152												MUS2012		
01	1070047				40	Nguyễn Đăng Nghị	7-11, D204							24/08/2020	01/11/2020	2017			2017
02	1070047				30	Lương Minh Tân				7-11, D304				24/08/2020	01/11/2020				2017
03	1070047				40	Lại Hồng Phong			1-5, D204					24/08/2020	01/11/2020	2017			2017
05	1070047				42	Lương Minh Tân						1-5, D304		28/09/2020	06/12/2020	K11 LTSPAN			2019
	1020013	Sáng tác mẫu vải	FAD2019	2	56														
01	1020013				14	Trần Thị Liên				7-11, E				31/08/2020	08/11/2020	K11 TKTT			2017
02	1020013				14	Ngô Thị Thu Hà	1-5, E							31/08/2020	08/11/2020	K11 TKTT			2017
03	1020013				14	Bùi Thị Nam				7-11, E				31/08/2020	08/11/2020	K11 TKTT			2017
04	1020013				14	Bùi Thị Nam	1-5, E							31/08/2020	08/11/2020	K11 TKTT			2017
	1170004	Sáng tác thiết kế 1	GRD2023	3	206												1_TKDH_M4		
01	1170004				15	Nguyễn Quang Huy	9-10, E601		9-10, E601					19/10/2020	10/01/2021				2020
02	1170004				15	Nông Thị Thu Trang	9-10, E601		9-10, E601					19/10/2020	10/01/2021				2020
03	1170004				15	Nguyễn Mai Thơ	9-10, E601		9-10, E601					19/10/2020	10/01/2021				2020
04	1170004				15	Nguyễn Quang Huy				9-10, E601		9-10, E601		19/10/2020	10/01/2021				2020
05	1170004				15	Nông Thị Thu Trang				9-10, E601		9-10, E601		19/10/2020	10/01/2021				2020
06	1170004				15	Phạm Minh Phong				9-10, E601		9-10, E601		19/10/2020	10/01/2021				2020
07	1170004				15	Nguyễn Quang Huy	7-8, E601		7-8, E601					12/10/2020	10/01/2021				2020
08	1170004				15	Nguyễn Mai Thơ	7-8, E601		7-8, E601					12/10/2020	10/01/2021				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
09	1170004				15	Phạm Minh Phong	7-8, E601		7-8, E601					12/10/2020	10/01/2021				2020
10	1170004				15	Phạm Minh Phong				7-8, E601		7-8, E601		12/10/2020	10/01/2021				2020
11	1170004				15	Nông Thị Thu Trang				7-8, E601		7-8, E601		12/10/2020	10/01/2021				2020
12	1170004				15	Nguyễn Quang Huy				7-8, E601		7-8, E601		12/10/2020	10/01/2021				2020
13	1170004				13	Quách Thị Ngọc An	9-10, E601		9-10, E601					19/10/2020	10/01/2021	BS			2020
14	1170004				13	Nông Thị Thu Trang	7-8, E601		7-8, E601					12/10/2020	10/01/2021	BS			2020
	1170028	Sáng tác thiết kế 3	GRD2025	3	144												3_TKĐH_TH		
01	1170028				16	Nguyễn Đức Lân	1-2, E601		1-2, E601					24/08/2020	29/11/2020				2019
02	1170028				16	Nông Thị Thu Trang	1-2, E601		1-2, E601					24/08/2020	29/11/2020				2019
03	1170028				16	Nguyễn Mai Thơ	1-2, E601		1-2, E601					24/08/2020	29/11/2020				2019
04	1170028				16	Nguyễn Đức Lân	3-4, E601		3-4, E601					31/08/2020	29/11/2020				2019
05	1170028				16	Phạm Minh Phong	3-4, E601		3-4, E601					31/08/2020	29/11/2020				2019
06	1170028				16	Nguyễn Mai Thơ	3-4, E601		3-4, E601					31/08/2020	29/11/2020				2019
07	1170028				16	Nguyễn Đức Lân				3-4, E601		3-4, E601		31/08/2020	29/11/2020				2019
08	1170028				16	Nông Thị Thu Trang				3-4, E601		3-4, E601		31/08/2020	29/11/2020				2019
09	1170028				16	Phạm Minh Phong				3-4, E601		3-4, E601		31/08/2020	29/11/2020				2019
	1170050	Sáng tác thiết kế 5	GRD2045	3	126														
01	1170050				14	Nguyễn Văn Hiến	7-8, E602		7-8, E602					24/08/2020	29/11/2020				2018
02	1170050				14	Nguyễn Thị Hải Yến	7-8, E602		7-8, E602					24/08/2020	29/11/2020				2018
03	1170050				14	Vũ Minh Hoàng	7-8, E602		7-8, E602					24/08/2020	29/11/2020				2018
04	1170050				14	Phạm Phương Linh	9-10, E602		9-10, E602					31/08/2020	29/11/2020				2018
05	1170050				14	Ng.Hoài Phương Anh	9-10, E602		9-10, E602					31/08/2020	29/11/2020				2018
06	1170050				14	Vũ Minh Hoàng	9-10, E602		9-10, E602					31/08/2020	29/11/2020				2018
07	1170050				14	Nguyễn Lê Mai				9-10, E602		9-10, E602		31/08/2020	29/11/2020				2018
08	1170050				14	Nguyễn Thị Hải Yến				9-10, E602		9-10, E602		31/08/2020	29/11/2020				2018
09	1170050				14	Lò Mai Trang				9-10, E602		9-10, E602		31/08/2020	29/11/2020				2018
	1170030	Sáng tác thiết kế 5	GRD2027	4	3												7_TKĐH_TH		
01	1170030				1	Nguyễn Thị Hải Yến				9-10, E602		9-10, E602		31/08/2020	29/11/2020	Ghep lop			2018
02	1170030				1	Vũ Minh Hoàng	7-8, E602		7-8, E602					31/08/2020	29/11/2020	Ghep lop			2018
03	1170030				1	Ng.Hoài Phương Anh	9-10, E602		9-10, E602					31/08/2020	29/11/2020	Ghep lop			2018
	1140028	Sinh lý học trẻ em	PPE2012	2	5												1*		
01	1140028				5	Đỗ Ánh Tuyết						1-5, E403		24/08/2020	25/10/2020	K5 AN MN dã học			2018
	1140001	Tâm lý học	PPE2001	3	410												1*		
01	1140001				72	Nguyễn Quỳnh Trang	7-11, E507							19/10/2020	10/01/2021				2020
02	1140001				72	Nguyễn Quỳnh Trang		7-11, E306						19/10/2020	10/01/2021				2020
03	1140001				72	Đỗ Ánh Tuyết		7-11, E505						19/10/2020	10/01/2021				2020
04	1140001				72	Đỗ Ánh Tuyết			7-11, E507					19/10/2020	10/01/2021				2020
05	1140001				72	Nguyễn Thị Duyên		1-5, E505						19/10/2020	10/01/2021				2020
07	1140001				50	Lương Thị Thanh Hải						7-11, E501		26/10/2020	10/01/2021	Bo sung			2020
	1140009	Tâm lý học đại cương	PPE2007	2	120												1* 3_TAMLY_TK TT		
01	1140009				50	Nguyễn Thị Duyên			1-5, E502					24/08/2020	18/10/2020	K13 TKTT			2019
02	1140009				70	Nguyễn Mai Hương	1-5, E505							26/10/2020	10/01/2021				2020
	1140033	Tâm lý học quản lý văn hóa nghệ thuật	PPE2006	3	60												1* PPE2006_2014		
01	1140033				60	Nguyễn Quỳnh Trang		7-11, E301						24/08/2020	29/11/2020	K13 QLVH			2019

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1140010	Tâm lý học tiêu dùng	PPE2005	2	120												2* PPE2005		
01	1140010				60	Nguyễn Quỳnh Trang				7-11, E506				24/08/2020	25/10/2020	K11 TKDH			2019
02	1140010				60	Nguyễn Quỳnh Trang					7-11, E506			24/08/2020	25/10/2020	K11 TKDH			2019
	1200015	Tạo khối trang phục	DGI2015	2	15														
01	1200015				15	Nguyễn Hải Hà			1-5, A					24/08/2020	29/11/2020	K3 CNM			2019
	1020029	Tạo mẫu trang phục 2	FAD2025	3	39														
01	1020029				13	Lê Nguyễn Kiều Trang					1-5, A			31/08/2020	06/12/2020	K13 TKTT			2019
02	1020029				13	Ng.Thị Minh Ngọc					1-5, A			31/08/2020	06/12/2020	K13 TKTT			2019
03	1020029				13	Trần Việt Hùng					1-5, A			31/08/2020	06/12/2020	K13 TKTT			2019
	1020030	Tạo mẫu trang phục 3	FAD2026	3	70														
01	1020030				14	Trần Việt Hùng	7-11, E							31/08/2020	06/12/2020	K12 TKTT			2018
02	1020030				14	Ng.Thị Minh Ngọc	7-11, E							31/08/2020	06/12/2020	K12 TKTT			2018
03	1020030				14	Hoàng Thị Oanh						7-11, E		31/08/2020	06/12/2020	K12 TKTT			2018
04	1020030				14	Lê Phương Anh						7-11, E		31/08/2020	06/12/2020	K12 TKTT			2018
05	1020030				14	Ng.Thị Bích Liên						7-11, E		31/08/2020	06/12/2020	K12 TKTT			2018
	1020014	Tạo mẫu trang phục 5	FAD2028	3	56														
01	1020014				14	Lê Nguyễn Kiều Trang		7-11, E						31/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
02	1020014				14	Ng.Thị Bích Liên		7-11, E						31/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
03	1020014				14	Lê Phương Anh					1-5, E			31/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
04	1020014				14	Hoàng Thị Oanh					1-5, E			31/08/2020	06/12/2020	K11 TKTT			2017
	1170015	Thẩm mỹ công nghiệp	GRD2010	2	120												_TKDH_M3_T C		
01	1170015				40	Quách Thị Ngọc An		1-5, E603						24/08/2020	27/09/2020				2017
02	1170015				40	Quách Thị Ngọc An		7-11, E603						24/08/2020	27/09/2020				2017
03	1170015				40	Quách Thị Ngọc An					7-11, E603			24/08/2020	27/09/2020				2017
	1100094	Thanh nhạc 1.1	VMU2004	1	68												2017		
01	1100094				2	Đỗ Hương Giang	7-8, D				1-2, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
02	1100094				2	Trịnh Thị Oanh	7-8, D		7-8, D					12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
03	1100094				4	Giáp Văn Thịnh				7-8, D		7-8, D		12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
04	1100094				3	Trần Thị Thanh Quý			1-2, D		1-2, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
05	1100094				6	Nguyễn Mai Hương	7-8, D				1-2, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
06	1100094				5	Viên Thị Hường			1-2, D		1-2, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
07	1100094				2	Lê Minh Tuyền	7-8, D		1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
08	1100094				4	Nguyễn Thị Nga	7-8, D				7-8, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
09	1100094				5	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-8, D		1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
10	1100094				5	Lê Thị Út			1-2, D		1-2, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
11	1100094				3	Lê Thị Tình	1-2, D		7-8, D					12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
12	1100094				5	Lê Thị Tình	7-8, D		1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
13	1100094				4	Đoàn Thúy Trang	7-8, D		1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
14	1100094				5	Chu Thị Hoài Phương	7-8, D		1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
15	1100094				3	Đàm Minh Hưng			7-8, D		7-8, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
16	1100094				2	Ngô Quốc Khánh	7-8, D		1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
17	1100094				2	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
18	1100094				2	Nguyễn Chí Công	7-8, D			7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
19	1100094				2	Đoàn Thủy Trang			1-2, D		1-2, D			12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
20	1100094				2	Nguyễn Chí Công	7-8, D			7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	TNCN			2020
	1100063	Thanh nhạc 1.2	VMU2004	1	1												2_ Thanh nhạc		
01	1100063				1	Đặng Thị Loan	7-8, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020				2018
	1100044	Thanh nhạc 1A	VMU2002*	0	339												1_SPAN		
01	1100044				11	Vũ Thanh Thủy	7-8, D							12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
02	1100044				11	Nguyễn Thúy Hà	7-8, D							12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
03	1100044				11	Hà Thị Lý	7-8, D							12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
04	1100044				11	Bùi Thanh Tuyền	7-8, D							12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
05	1100044				11	Phạm Bích Ngọc	7-8, D							12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
06	1100044				11	Vũ Thị Tươi	7-8, D							12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
07	1100044				11	Trần Thị Thảo			1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
08	1100044				11	Nguyễn Thị Huyền			1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
09	1100044				11	Bùi Thanh Tuyền			1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
10	1100044				11	Nguyễn Thanh Duyên			1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
11	1100044				11	Đinh Thị Hải Yến			1-2, D					12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
12	1100044				11	Trần Thị Thảo				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
13	1100044				11	Đào Thị Khánh Chi				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
14	1100044				11	Ngân Thị Thương				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
15	1100044				11	Ngô Quốc Khánh				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
16	1100044				11	Nguyễn Chí Công				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
17	1100044				11	Đàm Minh Hưng				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
18	1100044				11	Phạm Thị Thu Trang				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
19	1100044				11	Nguyễn Thúy Hà				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
20	1100044				11	Hà Thị Lý				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
21	1100044				11	Nguyễn Thanh Duyên				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
22	1100044				11	Phạm Bích Ngọc				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
23	1100044				11	Vũ Thị Tươi				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
24	1100044				11	Nguyễn Thu Hằng				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
25	1100044				11	Nguyễn Chí Công					1-2, D			12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
26	1100044				11	Đào Tiến Lợi					1-2, D			12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
27	1100044				11	Phạm Thị Thu Trang					1-2, D			12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
28	1100044				11	Nguyễn Thị Huyền					1-2, D			12/10/2020	17/01/2021	K15SPAN			2020
29	1100044				10	Đặng Thị Lan	7-8, D							12/10/2020	17/01/2021	K15D2			2020
30	1100044				10	Vũ Thanh Thủy				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15D2			2020
31	1100044				10	Đinh Thị Hải Yến				7-8, D				12/10/2020	17/01/2021	K15D2			2020
32	1100044				1	Trần Thị Thảo							7-8, NC	12/10/2020	17/01/2021				2020
	1100067	Thanh nhạc 2 A	VMU2003*	0	142												3_SPAN		
01	1100067				9	Nguyễn Thúy Hà	1-5, D							24/08/2020	20/12/2020				2019
02	1100067				9	Trần Tân Phương	1-2, D							24/08/2020	20/12/2020				2019
03	1100067				9	Hà Thị Lý	1-2, D							24/08/2020	20/12/2020				2019
04	1100067				9	Đinh Thị Hải Yến	1-2, D							24/08/2020	20/12/2020				2019
05	1100067				8	Phạm Bích Ngọc	1-2, D							24/08/2020	20/12/2020				2019
06	1100067				9	Vũ Thanh Thủy	1-2, D							24/08/2020	20/12/2020				2019
07	1100067				9	Bùi Thanh Tuyền	1-2, D							24/08/2020	20/12/2020				2019
08	1100067				8	Nguyễn Thu Hằng		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020				2019
09	1100067				8	Đào Thị Khánh Chi		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020				2019
10	1100067				8	Nguyễn Chí Công		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020				2019
11	1100067				9	Trần Thị Thảo		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020				2019
12	1100067				9	Đào Tiến Lợi		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020				2019
13	1100067				9	Ngân Thị Thương		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020				2019
14	1100067				9	Vũ Thị Tươi		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020				2019
15	1100067				9	Phạm Thị Thu Trang		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020				2019
16	1100067				9	Nguyễn Thanh Duyên		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020				2019
17	1100067				1	Đào Thị Khánh Chi				1-2, D				24/08/2020	20/12/2020				2019
18	1100067				1	Trần Thị Thảo							1-2, NC	24/08/2020	20/12/2020				2019
	1100040	Thanh nhạc 2.1	VMU2005	1	3												DH TN		
01	1100040				0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
02	1100040				0	Đỗ Hương Giang	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
03	1100040				0	Đặng Thị Loan			7-8, D		7-8, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
04	1100040				0	Viên Thị Hường		1-5, D		1-5, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
05	1100040				0	Giáp Văn Thịnh		1-2, D				1-2, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
06	1100040				0	Chu Thị Hoài Phương	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
07	1100040				1	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			1-2, D									2019
08	1100040				0	Lê Thị Tinh	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
09	1100040				0	Lê Thị Út	1-2, D	1-2, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
10	1100040				0	Lê Minh Tuyền	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
11	1100040				0	Nguyễn Mai Hương	1-2, D				7-8, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
12	1100040				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
13	1100040				0	Trịnh Thị Oanh		1-2, D			7-8, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
14	1100040				0	Trần Thị Thanh Quý			7-8, D		7-8, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
15	1100040				0	Nguyễn Thị Nga	7-8, D				7-8, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
16	1100040				1	Đào Tiến Lợi	7-8, D		7-8, D										2019
17	1100040				0	Trần Mai Tuyết		1-2, D			7-8, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
18	1100040				1	Nguyễn Chí Công	7-8, D			1-2, D									2019
19	1100040				0	Đàm Minh Hưng			7-8, D		7-8, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
21	1100040				0	Đoàn Thúy Trang		1-2, D			7-11, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
	1100071	Thanh nhạc 3 A	VMU2018*	0	66												5_SPAN		
01	1100071				0	Đào Tiến Lợi		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
02	1100071				0	Nguyễn Chí Công		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1100071				0	Phạm Thị Thu Trang		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
08	1100071				0	Nguyễn Thị Huyền		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
09	1100071				0	Bùi Thanh Tuyền		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
10	1100071				0	Đinh Thị Hải Yến		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
11	1100071				0	Trần Thị Thảo				1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
12	1100071				0	Đào Thị Khánh Chi				1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
13	1100071				0	Nguyễn Thúy Hà				1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
14	1100071				0	Đặng Thị Lan				1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
15	1100071				0	Vũ Thanh Thủy		1-2, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
16	1100071				0	Ngô Quốc Khánh		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
17	1100071				0	Trần Tân Phương		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
18	1100071				0	Hà Thị Lý				1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
19	1100071				0	Trần Thị Thảo		1-2, D						24/08/2020		Ko DK			2018
20	1100071				0	Phạm Bích Ngọc		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
21	1100071				0	Trần Thị Thảo							7-8, NC	24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
23	1100071				11								1-2, D	26/10/2020		K12 LTCD			2020
24	1100071				11								7-8, D	26/10/2020		K12 LTCD			2020
25	1100071				11								1-2, D	26/10/2020		K12 LTCD			2020
26	1100071				11								1-2, D	26/10/2020		K12 LTCD			2020
28	1100071				11	Ngân Thị Thương							7-8, D	26/10/2020		K12 LTCD			2020
29	1100071				11								1-2, D	26/10/2020		K12 LTCD			2020
	1100052	Thanh nhạc 3.1	VMU2006	1	3												TN		
01	1100052				0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
02	1100052				0	Đỗ Hương Giang	7-8, D		1-2, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
03	1100052				0	Đặng Thị Loan		7-8, D		1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
04	1100052				0	Chu Thị Hoài Phương	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
05	1100052				0	Lê Thị Út	1-2, D	1-2, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
06	1100052				0	Lê Minh Tuyền	7-8, D		1-2, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
07	1100052				0	Lê Minh Tuyền	7-8, D			7-8, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
08	1100052				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
09	1100052				0	Trịnh Thị Oanh	7-8, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
10	1100052				0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, D		1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
11	1100052				0	Đoàn Thủy Trang			7-8, D		1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
12	1100052				0	Nguyễn Thị Nga				1-2, D	1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
13	1100052				0	Nguyễn Chí Công	7-8, D				1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
14	1100052				0	Trần Mai Tuyết		1-2, D			7-8, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
15	1100052				0	Đào Tiến Lợi	7-8, D		1-2, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
16	1100052				0	Giáp Văn Thịnh		1-2, D				1-2, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
17	1100052				0	Bùi Thanh Tuyền	1-2, D		1-2, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
18	1100052				0	Viên Thị Hường		1-2, D		1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
19	1100052				0	Hà Thị Lý	7-8, D		1-2, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
20	1100052				1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	6-6, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
21	1100052				1	Hoàng Quốc Tuấn	6-6, D			6-6, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2018
22	1100052				1	Đặng Thị Loan	7-8, D		7-8, D										2018
	1100056	Thanh nhạc 3.2	VMU2006	1	1												TN		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1100056				1	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			1-2, D				24/08/2020	20/12/2020				2017
	1100010	Thanh nhạc 4	VMU2019	1													SPAN		
01	1100010				0	Trần Thị Thảo		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
02	1100010				0	Đàm Minh Hưng		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
03	1100010				0	Hoàng Quốc Tuấn		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
04	1100010				0	Đào Thị Khánh Chi		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
05	1100010				0	Đặng Thị Lan		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
06	1100010				0	Nguyễn Thúy Hà			7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
07	1100010				0	Phạm Thị Thu Trang				1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
08	1100010				0	Trần Tân Phương			7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
09	1100010				0	Nguyễn Thanh Duyên				1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
10	1100010				0	Phạm Bích Ngọc			7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
11	1100010				0	Vũ Thị Tươi				1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
12	1100010				0	Nguyễn Thị Huyền			7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
13	1100010				0	Đinh Thị Hải Yến		7-8, D						24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
14	1100010				0	Trần Thị Thảo							1-2, N cao	24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
15	1100010				0	Nguyễn Thị Huyền					7-8, NC			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
17	1100010				0	Nguyễn Thu Hằng					7-8, NC			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
18	1100010				0	Ngô Quốc Khánh					7-8, NC			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
19	1100010				0	Ngân Thị Thương					7-8, NC			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2019
	1100088	Thanh nhạc 4.1	VMU2007	1	1												TN		
01	1100088				1	Đàm Minh Hưng			7-8, D		7-8, D			24/08/2020					2017
02	1100088				0	Đặng Thị Loan		7-8, D		1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
04	1100088				0	Viên Thị Hường		1-2, D		1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
05	1100088				0	Giáp Văn Thịnh				7-8, D		7-8, D		24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
06	1100088				0	Lê Thị Tình	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
07	1100088				0	Lê Minh Tuyền	7-8, D		1-2, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
08	1100088				0	Đỗ Hương Giang	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
09	1100088				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
10	1100088				0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, D		1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
11	1100088				0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
12	1100088				0	Đoàn Thủy Trang			7-8, D		1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
13	1100088				0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D			1-2, D				24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
14	1100088				0	Nguyễn Thị Nga				1-2, D	1-2, D			24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
15	1100088				0	Trịnh Thị Oanh	1-2, D		1-2, D					24/08/2020	20/12/2020	Ko DK			2017
	1170036	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu SP thương mại	GRD2033	2	126												6_TKDH_M4_TC		
01	1170036				14	Phạm Hùng Cường	1-2, E602		1-2, E602					24/08/2020	29/11/2020				2017
02	1170036				14	Lò Mai Trang	1-2, E602		1-2, E602					24/08/2020	29/11/2020				2017
03	1170036				14	Vũ Minh Hoàng	1-2, E602		1-2, E602					24/08/2020	29/11/2020				2017
04	1170036				14	Ng.Hoài Phương Anh				3-4, E602		3-4, E602		31/08/2020	29/11/2020				2017
05	1170036				14	Nguyễn Lê Mai				3-4, E602		3-4, E602		31/08/2020	29/11/2020				2017
06	1170036				14	Phạm Phương Linh				3-4, E602		3-4, E602		31/08/2020	29/11/2020				2017
07	1170036				14	Nguyễn Văn Hiến	3-4, E602		3-4, E602					31/08/2020	29/11/2020				2017
08	1170036				14	Nguyễn Thị Hải Yến	3-4, E602		3-4, E602					31/08/2020	29/11/2020				2017
09	1170036				14	Lò Mai Trang	3-4, E602		3-4, E602					31/08/2020	29/11/2020				2017
	1020044	Thiết kế kỹ thuật trang phục	FAD2016	2	56														
01	1020044				14	Lưu Ngọc Lan			7-11, XM					28/09/2020	22/11/2020	K11 TKTT			2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1020044				14	Đỗ Thu Huyền			7-11, XM					28/09/2020	22/11/2020	K11 TKTT			2017
03	1020044				14	Lưu Ngọc Lan	7-11, XM							28/09/2020	22/11/2020	K11 TKTT			2017
04	1020044				14	Đỗ Thu Huyền	7-11, XM							28/09/2020	22/11/2020	K11 TKTT			2017
	1020012	Thiết kế trên Manocanh	FAD2018	2	56														
01	1020012				14	Lưu Ngọc Lan					7-11, XM			31/08/2020	25/10/2020	K11 TKTT			2017
02	1020012				14	Đỗ Thu Huyền					7-11, XM			31/08/2020	25/10/2020	K11 TKTT			2017
03	1020012				14	Vũ Mai Hiền		1-5, XM						31/08/2020	25/10/2020	K11 TKTT			2017
04	1020012				14	Đỗ Thu Huyền		1-5, XM						31/08/2020	25/10/2020	K11 TKTT			2017
	1020023	Thực hành công nghệ may 2	FAD2012	3	70														
01	1020023				14	Lưu Ngọc Lan		7-11, XM						11/10/2020	12/12/2020	K12 TKTT			2018
02	1020023				14	Vũ Mai Hiền		7-11, XM						11/10/2020	12/12/2020	K12 TKTT			2018
03	1020023				14	Vũ Mai Hiền				7-11, XM				11/10/2020	12/12/2020	K12 TKTT			2018
04	1020023				14	Nguyễn Bích Nhung				7-11, XM				11/10/2020	12/12/2020	K12 TKTT			2018
05	1020023				14	Ngô Thị Thủy Thu				7-11, XM				11/10/2020	12/12/2020	K12 TKTT			2018
	1200025	Thực hành công nghệ may 4	DGI2025	3	10														
01	1200025				10	Nguyễn Bích Nhung			7-11, XM						06/12/2020	K2 CNM			2018
	1200028	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 1	DGI2028	2	15														
01	1200028				15	Nguyễn Bích Nhung		1-5, A						31/08/2020	06/12/2020	K3 CNM			2019
	1200030	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 3	DGI2030	3	10														
01	1200030				10	Nguyễn Bích Nhung					7-11, XM			31/08/2020	06/12/2020	K2 CNM			2018
	1200044	Thực tập chuyên ngành	DGI2044	2	10														
01	1200044				10	Ngô Thị Thủy Thu							1-5, TTCN			K2 CNM			2018
	1080113	Thực tập nghề nghiệp	CLM2075	3	40												DVK		
01	1080113				40	Nguyễn Thị Phương Thanh						7-11, TTNN		07/12/2020					2018
	1190035	Thực tập nghề nghiệp 2	PIA2025	4	22														
01	1190035				22	Nghiêm Thị Hà Ngân							7-11, TTNN2	14/12/2020	27/12/2020	K3 Piano			2017
	1100055	Thực tập nghề nghiệp 2	VMU2015	6	65												7_TN_M5		
01	1100055				65	Đỗ Hương Giang							7-11, TNTT	07/12/2020	26/12/2020	Lo Loan gui			2017
	1060078	Thực tập sư phạm 2	FAE2022	4	140												6*ĐH		
01	1060078				50	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP2CQ	19/10/2020	29/11/2020	K12 SPMT			2017
02	1060078				90	Hoàng Thị Dung							13-14, TTSP2LT	19/10/2020	29/11/2020	K11 LT			2019
	1010002	Thực tập sư phạm 2	MAT2002	4	10												ĐH		
01	1010002				10	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP2	19/10/2020	29/11/2020	K4 MN			2017
	1070122	Thực tập sư phạm 2	MUS2047	4	208												ĐH SP		
01	1070122				40	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP 12A	19/10/2020	29/11/2020	K12 SPAN			2017
02	1070122				40	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP 12B	19/10/2020	29/11/2020	K12 SPAN			2017
03	1070122				40	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP 12C	19/10/2020	29/11/2020	K12 SPAN			2017
04	1070122				46	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP 12D	19/10/2020	29/11/2020	K12 SPAN			2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1070122				42	Hoàng Thị Dung							13-14, TTSP2	19/10/2020	29/11/2020	K11 LT SPAN			2019
	1080114	Thực tập tiền tốt nghiệp	CLM2076	5	40												DVK		
01	1080114				40	Dương Anh Đức						6-6, TTN:7-11, TTN		07/12/2020					2017
	1020009	Thực tập tốt nghiệp	FAD2048	4	70														
01	1020009				35	Lưu Ngọc Lan							1-5, TTTN				K11 TKTT		2017
02	1020009				35	Vũ Mai Hiền							1-5, TTTN				K11 TKTT		2017
	1200045	Thực tập tốt nghiệp	DGI2045	2	20														
01	1200045				20	Ngô Thị Thủy Thu							7-11, TTTN				K1 CNM		2017
	1170047	Thực tập tốt nghiệp	GRD2041	4	200												9_TKDH_M5		
01	1170047				50	Phạm Phương Linh							1-5, TTTN lop A	05/10/2020	29/11/2020	K8 TKDH			2016
02	1170047				50	Nguyễn Văn Hiến							1-5, TTTN lop B	05/10/2020	29/11/2020	K8 TKDH			2016
03	1170047				50	Nguyễn Quang Huy							1-5, TTTN lop C	05/10/2020	29/11/2020	K8 TKDH			2016
04	1170047				50	Nguyễn Quang Huy							1-5, TTTN lop D	05/10/2020	29/11/2020	K8 TKDH			2016
	1020034	Thực tế chuyên môn 1	FAD2045	2	44														
01	1020034				22	Trương Tuấn Anh							1-5, TTTM1	17/08/2020	23/08/2020	DS khoa gui			2019
02	1020034				22	Lê Thị Lan							1-5, TTTM1	17/08/2020	23/08/2020	DS khoa gui			2019
	1060063	Thực tế chuyên môn 1	FAE2011	2	40												3*FAE2011		
01	1060063				40	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM1						2019
	1170042	Thực tế chuyên môn 1	GRD2037	2	165												3_TKDH_M5		
01	1170042				55	Nguyễn Đức Lân							1-5, TTCM1				Khong DK		2019
02	1170042				55	Nguyễn Xuân Tám							1-5, TTCM1				Khong DK		2019
03	1170042				55	Lê Huy Thục							1-5, TTCM1				Khong DK		2019
	1020015	Thực tế chuyên môn 2	FAD2047	2	80														
01	1020015				40	Hoàng Thị Oanh							1-5, TTCM2				K12 TKTT		2018
02	1020015				40	Ng.Thị Bích Liên							1-5, TTCM2				K12 TKTT		2018
	1060065	Thực tế chuyên môn 3	FAE2013	2	1												FAE2013		
01	1060065				1	Lê Thị Kim Liên							1-5, TTCM1				K11 LT		2019
	1040001	Tiếng Anh 1	CFL2001	4	922												1* A1 chung		
01	1040001				49	Nguyễn Thị Ân	7-11, E403							19/10/2020	23/01/2021				2020
02	1040001				49	Phạm Thị Ngọc Bích	1-5, E405							19/10/2020	23/01/2021				2020
03	1040001				49	Phạm Thị Ngọc Bích				1-5, E405				19/10/2020	23/01/2021				2020
04	1040001				49	Nguyễn Thanh Dung		1-5, E405						19/10/2020	23/01/2021				2020
05	1040001				49	Trịnh Thị Hà		7-11, E305						19/10/2020	23/01/2021				2020
06	1040001				49	Trịnh Thị Hà				7-11, E405				19/10/2020	23/01/2021				2020
07	1040001				49	Hoàng Thị Thu Hằng				1-5, E403				19/10/2020	23/01/2021				2020
08	1040001				49	Lê Thị Hiền			1-5, E405					19/10/2020	23/01/2021				2020
09	1040001				49	Hoàng Thị Thu Hằng					1-5, E405			19/10/2020	23/01/2021				2020
10	1040001				49	Ngô Thị Hòa			7-11, E403					19/10/2020	23/01/2021				2020
11	1040001				49	Ngô Thị Hòa					7-11, E403			19/10/2020	23/01/2021				2020
12	1040001				49	Trương Tổ Loan		1-5, E403						19/10/2020	23/01/2021				2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
13	1040001				49	Trương Tổ Loan					7-11, E405			19/10/2020	23/01/2021				2020
14	1040001				49	Phạm Thị Lý	1-5, E403							19/10/2020	23/01/2021				2020
15	1040001				49	Phạm Thị Lý		1-5, E501						19/10/2020	23/01/2021				2020
16	1040001				49	Nguyễn Thanh Dung			1-5, E305					19/10/2020	23/01/2021	BS			2020
17	1040001				49	Lê Thị Hiền		7-11, E101						19/10/2020	23/01/2021	BS			2020
18	1040001				49	Nguyễn Thị Ân					7-11, E506			19/10/2020	23/01/2021	BS			2020
19	1040001				40	Ngô Thị Hòa							1-5, E405	29/11/2020	23/01/2021	Nang cao chưa có lịch thi			2020
	1040014	Tiếng Anh chuyên ngành (AN)	CFL2005	2	195												3* \Am nhạc		
01	1040014				39	Ngô Thị Hòa	7-11, E403							24/08/2020		6 tuần			2019
02	1040014				39	Nguyễn Thanh Dung			1-5, E405					24/08/2020					2019
03	1040014				39	Hoàng Thị Thu Hằng					1-5, E403			24/08/2020					2019
05	1040014				39	Trương Tổ Loan					7-11, E403			24/08/2020					2019
07	1040014				39	Phạm Thị Ngọc Bích				1-5, E403				24/08/2020					2019
	1040006	Tiếng Anh chuyên ngành (QLVH)	CFL2007	2	46												3* QLVH		
01	1040006				46	Phạm Thị Lý		1-5, E403						24/08/2020		6 tuần			2017
	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành (TKDH)	CFL2004	2	120												3* 7_TKDH_M4		
01	1040007				40	Trịnh Thị Hà	7-11, E405							24/08/2020		6 tuần			2017
02	1040007				40	Nguyễn Thị Ân			7-11, E403					24/08/2020		6 tuần			2017
03	1040007				40	Lê Thị Hiền				7-11, E405				24/08/2020		6 tuần			2017
	1040009	Tiếng Anh chuyên ngành (TKTT)	CFL2006	2	44												3* TKTT		
01	1040009				44	Nguyễn Thanh Dung						1-5, E405		24/08/2020					2019
	1080107	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 1	CLM2070	3	35														
01	1080107				35	Đinh Xuân Tùng			1-5, NA402					19/10/2020	27/12/2020				2020
	1080110	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 3	CLM2072	3	30														
01	1080110				30	Kiều Minh Hiếu			7-11, E502					24/08/2020	15/11/2020				2019
	1060106	Tin học chuyên ngành	FAE2073	2	160												2019		
01	1060106				20	Trang Tổ Uyên			7-11, E402					24/08/2020	25/10/2020				2019
02	1060106				20	Trang Tổ Uyên					7-11, E402			24/08/2020	25/10/2020				2019
03	1060106				15	Trang Tổ Uyên							13-14, Tr trung	08/12/2020		K12 SPMT LT			2020
04	1060106				15	Trang Tổ Uyên							13-14, Tr trung	08/12/2020		K12 SPMT LT			2020
05	1060106				15	Trần Anh Hoàng							13-14, Tr trung	08/12/2020		K12 SPMT LT			2020
06	1060106				15	Nguyễn Thị Giang							13-14, Tr trung	08/12/2020		K12 SPMT LT			2020
07	1060106				15	Trang Tổ Uyên							13-15, Ng trung	08/12/2020		K12 SPMT LT			2020
08	1060106				15	Trang Tổ Uyên							13-15, Ng trung	08/12/2020		K12 SPMT LT			2020
09	1060106				15	Trần Anh Hoàng							13-15, Ng trung	08/12/2020		K12 SPMT LT			2020
10	1060106				15	Nguyễn Thị Giang							13-15, Ng trung	08/12/2020		K12 SPMT LT			2020
	1070033	Tin học chuyên ngành	MUS2001	2	152												MUS2001		
01	1070033				38	Nguyễn Khải		7-11, E402						24/08/2020	18/10/2020				2018
02	1070033				38	Lương Minh Tân				1-5, E402				24/08/2020	18/10/2020				2018
03	1070033				38	Bá Săn				7-11, E402				24/08/2020	18/10/2020				2018
04	1070033				38	Nguyễn Khải					1-5, E402			24/08/2020	18/10/2020				2018
	1200026	Tin học chuyên ngành 1	DGI2026	2	15														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1200026				15	Đỗ Thu Huyền	1-5, A							31/08/2020	08/11/2020				2019
	1170026	Tin học chuyên ngành 2	GRD2021	3	126												5_TKDH_M4		
01	1170026				14	Nguyễn Duy Hùng	1-5, E406		1-5, E406					24/08/2020	11/10/2020				2018
02	1170026				14	Tổng Việt Anh	1-5, E406		1-5, E406					24/08/2020	11/10/2020				2018
03	1170026				14	Nguyễn Hoàng Tùng	1-5, E406		1-5, E406					24/08/2020	11/10/2020				2018
04	1170026				14	Lê Huy Thục	7-11, E406		7-11, E406					24/08/2020	11/10/2020				2018
05	1170026				14	Tổng Việt Anh	7-11, E406		7-11, E406					24/08/2020	11/10/2020				2018
06	1170026				14	Nguyễn Xuân Giáp	7-11, E406		7-11, E406					24/08/2020	11/10/2020				2018
07	1170026				14	Lê Huy Thục				1-5, E406		1-5, E406		24/08/2020	11/10/2020				2018
08	1170026				14	Nguyễn Đỗ Long				1-5, E406		1-5, E406		24/08/2020	11/10/2020				2018
09	1170026				14	Nguyễn Xuân Giáp				1-5, E406		1-5, E406		24/08/2020	11/10/2020				2018
	1060033	Tin học chuyên ngành: Adobe Illustrator CS6	FAE2075	2	10												3_SPMT_M4		
01	1060033				10	Trang Tô Uyên							1-5, E401	24/08/2020					2017
	1040002	Tin học cơ bản	INF2001	2	625												1* 1_m.chung_M1		
01	1040002				35	Vũ Việt Hoàng	1-5, E401							24/08/2020	18/10/2020				2019
02	1040002				35	Vũ Việt Hoàng	7-11, E402							24/08/2020	18/10/2020				2019
03	1040002				35	Vũ Việt Hoàng				1-5, E401				24/08/2020	18/10/2020				2019
04	1040002				35	Vũ Việt Hoàng					1-5, E401			24/08/2020	18/10/2020				2019
05	1040002				35	Vũ Việt Hoàng			7-11, E401					24/08/2020	18/10/2020				2019
06	1040002				45	Vũ Việt Hoàng	1-5, E401							26/10/2020	20/12/2020				2020
07	1040002				45	Vũ Việt Hoàng	7-11, E401							26/10/2020	20/12/2020				2020
08	1040002				45	Lê Mạnh Hùng		1-5, E401						26/10/2020	20/12/2020				2020
09	1040002				45	Lê Mạnh Hùng		7-11, E401						26/10/2020	20/12/2020				2020
10	1040002				45	Vũ Việt Hoàng			1-5, E401					26/10/2020	20/12/2020				2020
11	1040002				45	Vũ Việt Hoàng			7-11, E401					26/10/2020	20/12/2020				2020
12	1040002				45	Vũ Việt Hoàng				1-5, E401				26/10/2020	20/12/2020				2020
13	1040002				45	Vũ Việt Hoàng				7-11, E401				26/10/2020	20/12/2020				2020
14	1040002				45	Vũ Việt Hoàng					1-5, E401			26/10/2020	20/12/2020				2020
15	1040002				45	Vũ Việt Hoàng					7-11, E401			26/10/2020	20/12/2020				2020
	1080032	Tổ chức sự kiện	CLM2033	4	45												7_QLVH_M4		
01	1080032				45	Lương Thị Giang			7-11, E503					24/08/2020	29/11/2020				2017
	1200032	Trang trí chuyên ngành	DGI2032	3	15														
01	1200032				15	Vũ Thanh Nghị				1-5, B	1-5, B			24/08/2020	18/10/2020	K3 CNM			2019
	1020018	Trang trí chuyên ngành 2	FAD2023	2	70														
01	1020018				14	Trần Thị Liên	1-5, B	1-5, B						24/08/2020	18/10/2020	K12 TKTT			2018
02	1020018				14	Trương Tuấn Anh	1-5, B	1-5, B						24/08/2020	18/10/2020	K12 TKTT			2018
03	1020018				14	Lê Mai Trinh	1-5, B	1-5, B						24/08/2020	18/10/2020	K12 TKTT			2018
04	1020018				14	Trần Thị Liên				1-5, B	1-5, B			24/08/2020	18/10/2020	K12 TKTT			2018
05	1020018				14	Ngô Thị Thu Hà				1-5, B	1-5, B			24/08/2020	18/10/2020	K12 TKTT			2018
	1020047	Trang trí cơ bản	DGI2002	3	14														
01	1020047				14	Lê Thị Lan				1-5, B	1-5, B			26/10/2020	20/12/2020	CNM			2020
	1020038	Trang trí cơ bản 1	FAD2054	2	56														
01	1020038				14	Ngô Thị Thu Hà	1-5, B	1-5, B						07/12/2020	31/01/2021	TKTT			2020
02	1020038				14	Lê Mai Trinh	1-5, B	1-5, B						07/12/2020	31/01/2021	TKTT			2020

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1020038				14	Trương Tuấn Anh				1-5, B	1-5, B			07/12/2020	31/01/2021	TKTT			2020
04	1020038				14	Ngô Thị Thu Hà				1-5, B	1-5, B			07/12/2020	31/01/2021	TKTT			2020
	1060038	Trang trí cơ bản 1	FAE2051	2	45												1_SPMT_M4		
01	1060038				15	Nguyễn Thị Hà Hoa				1-5, B102	1-5, B102	1-5, B102		12/10/2020	06/12/2020	SPMT, HH 2020			2020
02	1060038				15	Nguyễn Tuấn Cường				1-5, B103	1-5, B103	1-5, B103		12/10/2020	06/12/2020	SPMT, HH 2020			2020
03	1060038				15	Tạ Đình Thi				1-5, B104	1-5, B104	1-5, B104		12/10/2020	06/12/2020	SPMT, HH 2020			2020
	1060104	Trang trí ứng dụng	FAE2088	2	39												2019		
01	1060104				13	Lưu Thị Hồng Diễm	1-5, B105	1-5, B105	1-5, B105					19/10/2020	13/12/2020				2019
02	1060104				13	Nguyễn Thị Huyền	1-5, B305	1-5, B305	1-5, B305					19/10/2020	13/12/2020				2019
03	1060104				13	Chu Thị Hương Thu	1-5, B306	1-5, B306	1-5, B306					19/10/2020	13/12/2020				2019
	1140040	Triết học Mác-Lênin	POL2009	3	924												1 2019		
01	1140040				77	Đinh Văn Hoàng	1-5, E301							19/10/2020	03/01/2021				2020
02	1140040				77	Đinh Văn Hoàng	7-11, E506							19/10/2020	03/01/2021				2020
03	1140040				77	Đinh Văn Hoàng				1-5, E507				19/10/2020	03/01/2021				2020
04	1140040				77	Đinh Văn Hoàng				7-11, E301				19/10/2020	03/01/2021				2020
05	1140040				77	Đinh Văn Hoàng						7-11, E301		19/10/2020	03/01/2021				2020
06	1140040				77	Nguyễn Thị Thu Hà		1-5, E301						19/10/2020	03/01/2021				2020
07	1140040				77	Nguyễn Thị Thu Hà		7-11, E405						19/10/2020	03/01/2021				2020
08	1140040				77	Phạm Ngọc Anh						1-5, E405		19/10/2020	03/01/2021				2020
09	1140040				77	Phạm Ngọc Anh			7-11, E301					19/10/2020	03/01/2021				2020
10	1140040				77	Phạm Ngọc Anh					7-11, E301			19/10/2020	03/01/2021				2020
11	1140040				77	Phạm Ngọc Anh			1-5, E101					19/10/2020	03/01/2021	BS			2020
12	1140040				77	Đinh Văn Hoàng					1-5, E301			19/10/2020	03/01/2021	BS			2020
	1040016	Ứng dụng tin học trong GDMN	INF2002	2	10												2*		
01	1040016				10	Vũ Việt Hoàng				7-11, E401				24/08/2020	18/10/2020	6 buổi			2018
	1080187	Văn hóa du lịch	CLM2111	3	70												DL		
01	1080187				70	Nguyễn Thị Thanh Loan				1-5, E503				26/10/2020	10/01/2021				2020
	1080007	Văn hóa học đại cương	CLM2003	2	70												2_QLVH_M2		
01	1080007				70	Nguyễn Thị Thanh Loan		7-11, E501						19/10/2020	10/01/2021				2020
	1140027	Văn học dân gian	PPE2017	2	5												1*		
01	1140027				5	Hà Thị Thu Hà					7-11, E503			26/10/2020	20/12/2020				2018
	1020007	Vật liệu may	FAD2007	2	20														
01	1020007				20	Vũ Mai Hiền							12-12, LR			Lop riêng			2017
	1020043	Vật liệu may & Sáng tác mẫu vải	FAD2057	2	39														
01	1020043				13	Ng.Thị Bích Liên		1-5, A						31/08/2020	08/11/2020	K13 TKTT			2019
02	1020043				13	Lê Phương Anh		1-5, A						31/08/2020	08/11/2020	K13 TKTT			2019
03	1020043				13	Bùi Thị Nam		1-5, A						31/08/2020	08/11/2020	K13 TKTT			2019
	1200011	Vật liệu may 2	DGI2011	2	10														
01	1200011				10	Vũ Mai Hiền	1-5, A							31/08/2020	11/10/2020	K2 CNM			2018
	1140031	Vệ sinh trẻ em	PPE2014	2	10												3*MN		
01	1140031				10	Nguyễn Quỳnh Trang			1-5, E505					18/10/2020					2017
	1080059	Xã hội học văn hóa	CLM2034	3	40												CLM2034_2014		
02	1080059				40	Lương Thị Đào	1-5, E502							24/08/2020	15/11/2020				2019
	1080036	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	CLM2037	2	45												7_QLVH_M4		
01	1080036				45	Bùi Hồng Hạnh			1-5, E403					24/08/2020	15/11/2020				2017

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1200036	Xử lý hoàn tất sản phẩm may	DGI2036	2	40														
01	1200036				40	Vũ Đức Tân							7-11, XM	28/09/2020	08/11/2020	K1 CNM			2017

Người lập